

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM VĂN THÁI

**THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN
TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2016

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM VĂN THÁI

**THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN
TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. Trần Văn Độ

Hà Nội – 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ	7
1.1. Thi hành án hình sự.....	7
1.2 Lý luận về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự ở Việt Nam	19
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ	23
2.1. Khái quát pháp luật về thẩm quyền Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự trước khi có Luật thi hành án hình sự.....	23
2.2. Pháp luật thực định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.....	26
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ Ở TỈNH LONG AN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ	57
3.1. Thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự ở tỉnh Long An.....	57
3.2. Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự	64
3.3. Một số kiến nghị bảo đảm thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.....	68
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	74

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

“Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”[23]. Nguyên tắc hiến định này đã khẳng định hiệu lực thi hành của các phán quyết của Tòa án khi có hiệu lực pháp luật, đồng thời khẳng định ý nghĩa quan trọng của vấn đề thi hành án nói chung và thi hành án hình sự nói riêng.

Hiện nay trong khoa học pháp lý còn có các quan điểm khác nhau về bản chất thi hành án hình sự: quan điểm thứ nhất cho rằng thi hành án hình sự là một giai đoạn trong tố tụng hình sự và có thể coi đó là giai đoạn cuối cùng của một vụ án hình sự; quan điểm thứ hai cho rằng thi hành án hình sự không phải là một giai đoạn của tố tụng hình sự mà chỉ là hoạt động có tính hành chính-tư pháp; bởi lẽ không có việc thu thập, đánh giá chứng cứ, không có nhiệm vụ xác định tội phạm và người phạm tội, đơn giản giai đoạn này chỉ là thi hành phán quyết của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Thi hành án hình sự là hoạt động thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, là hoạt động mang tính hành chính nhà nước (hoạt động chấp hành), mang tính chất mệnh lệnh, bắt buộc đối với người phải thi hành án, mang tính cưỡng chế nhà nước và được thực hiện bằng bộ máy cưỡng chế nhà nước. Là hoạt động tư pháp, thi hành án được thực hiện chủ yếu bởi cơ quan thi hành án riêng biệt và có tính độc lập tương đối. Do đó, có thể thấy thi hành án hình sự là hoạt động có tính hành chính-tư pháp. “Tuy nhiên, cần khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa quá trình tố tụng hình sự và thi hành án hình sự: tố tụng hình sự là tiền đề, khởi đầu của thi hành án hình sự; ngược lại, thi hành án hình sự là thực hiện kết quả tố tụng trong thực tế. Không có tố tụng hình sự thì không có thi hành án hình sự nhưng không có thi hành án hình sự thì tố tụng hình sự trở nên vô nghĩa”[44, tr.13].

Công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự là rất quan trọng. Quyết định hình phạt của Tòa án chính là sự đánh giá, sự lên án của Nhà nước đối với

hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Nếu chỉ dừng ở mức đánh giá, lên án mà không thực hiện bằng các biện pháp mang tính cưỡng chế đặc trưng của quyền lực nhà nước thì tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa và tính chịu hình phạt hạn chế, thậm chí là không có tác dụng.

Xét xử là nhiệm vụ trọng tâm của Tòa án nhân dân, xét xử là nhằm đem lại công lý, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị xâm phạm một cách bất hợp pháp. Xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, đảm bảo quyền con người là một yêu cầu không thể thiếu trong nhiệm vụ của hệ thống Tòa án mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Ngoài nhiệm vụ xét xử, Tòa án nhân dân còn thực hiện một số chức năng khác, trong đó có chức năng thi hành án hình sự.

Đề bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật phải được cả xã hội tôn trọng, các cá nhân, tổ chức hữu quan phải chấp hành nghiêm chỉnh, phải được thi hành đúng đắn trên thực tế thì công tác thi hành án hình sự tại Tòa án nhân dân là không thể thiếu, phải được thực hiện một cách nghiêm túc để khẳng định giá trị thi hành của bản án, quyết định của Tòa án và giữ vững kỷ cương pháp luật. Tòa án là chủ thể đầu tiên trong việc thi hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; góp phần cho quá trình thi hành án hình sự được nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật, giáo dục, cải tạo để người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội. Ngoài ra, giai đoạn thi hành án hình sự tại Tòa án nhân dân cũng là hoạt động, kiểm soát lại những sai sót của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để kiến nghị khắc phục kịp thời, đảm bảo bản án, quyết định được đưa ra thi hành đảm bảo đúng đắn. Vì vậy, Tòa án nhân dân là chủ thể không thể thiếu được trong quá trình thi hành án hình sự, pháp luật cần phân định rõ ràng hơn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong công tác này và có những chính sách, những quy định phù hợp trên cơ sở lý luận và thực tiễn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong công tác thi hành án hình sự, đặc biệt là trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay lấy Tòa án làm trung tâm.

Từ những lý do trên, học viên lựa chọn đề tài “*Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự từ thực tiễn tỉnh Long An*” để làm Luận văn tốt nghiệp cao học Luật cho mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thực tế đã có nhiều bài viết, nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học thể hiện qua các giáo trình tố tụng hình sự, giáo trình thi hành án hình sự của các Trường đại học, Học viện...và những công trình khoa học, bài viết có liên quan đến lĩnh vực thi hành án hình sự đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành của một số tác giả như: Bùi Kiên Điện “Điều kiện đảm bảo hiệu quả thi hành án hình sự”, Tạp chí Luật học, số 6/2007; Vũ Trọng Hách, “Hoàn thiện quản lý nhà nước trong thi hành án hình sự”, Nxb Tư pháp, Hà Nội, năm 2006; Hoàng Ngọc Nhất, “Một số vấn đề cấp bách về thi hành án hình sự”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 01/2001; Võ Thị Kim Oanh, Nguyễn Quan Vũ, “Một số vấn đề về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với phạm nhân”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 04/2013...

Tuy nhiên, các công trình, bài viết này chủ yếu đề cập đến các vấn đề khác nhau của thi hành án hình sự; mà rất ít đề cập đến vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Tòa án trong thi hành án hình sự về lý luận cũng như thực tiễn.

Đặc biệt, “Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự từ thực tiễn tỉnh Long An” là một đề tài mới, chưa có một công trình nghiên cứu mang tính chất toàn diện để nêu lên được những điểm phù hợp và bất cập của pháp luật quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong công tác thi hành án hình sự nhằm đáp ứng được yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp hiện nay. Qua quá trình nghiên cứu các văn bản, tài liệu, giáo trình liên quan đến thi hành án hình sự của nước ta; với những kiến thức mà các Thầy, Cô đã truyền đạt trong quá trình học tập tại Học viện Khoa học xã hội và bản thân tác giả đang công tác tại Tòa án nhân dân, đã có quá trình được phân công phụ trách, thực hiện công tác này, tác giả cố gắng tìm tòi, nghiên cứu trên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự với mong muốn đưa ra các đề xuất, giải pháp, xác định rõ hơn thẩm quyền của Tòa án nhân dân với nhiệm vụ quan trọng là cơ quan xét xử,

thực hiện quyền tư pháp theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành để xác định rõ hơn thẩm quyền, nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này trên thực tiễn nhằm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, phân tích các quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự và đánh giá thực tiễn tại tỉnh Long An, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích nêu trên, luận văn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự;
- Phân tích pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự;
- Đánh giá thực tiễn hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Long An trong thi hành án hình sự;
- Đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu lý luận, pháp luật và thực tiễn nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong công tác thi hành án hình sự.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Với đề tài trên tác giả tập trung nghiên cứu lý luận về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự, không nghiên cứu về thẩm quyền của Tòa án quân sự.

Thời gian: Khảo sát thực trạng về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự từ thực tiễn tỉnh Long An từ năm 2010 đến năm 2015.

Không gian: Khảo sát thực trạng thực hiện thi hành án hình sự của Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Long An.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Phương pháp duy vật biện chứng.

Phương pháp nghiên cứu: Thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn là một công trình đi sâu về mặt lý luận nhằm thấy được tầm quan trọng của Tòa án nhân dân về công tác thi hành án hình sự theo Luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự và các văn bản có liên quan. Cung cấp cho những người quan tâm tìm hiểu về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cũng trong công tác thi hành án hình sự. Công trình nghiên cứu cung cấp thêm về mặt lý luận trong việc xây dựng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến thi hành án hình sự trong quá trình cải cách tư pháp, giải quyết được các vướng mắc về mặt lý luận khi quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục thi hành án hình sự để Tòa án nhân dân thực hiện.

Luận văn thật sự trở thành tài liệu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy pháp luật về tố tụng hình sự nói chung và về chủ thể Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Công trình nghiên cứu về “Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự từ thực tiễn tỉnh Long An” còn có ý nghĩa về mặt thực tiễn, giúp cho những người xây dựng pháp luật thấy được những thiếu sót, hạn chế của pháp luật tố tụng hình sự trong việc quy định về quyền hạn của Tòa án nhân dân; giúp cho

cán bộ trực tiếp làm công tác này và cán bộ chuyên ngành pháp luật nhất là các chức danh tư pháp như: Thẩm phán, Thư ký, Thẩm tra viên, Kiểm sát viên...thấy được thẩm quyền của Tòa án nhân dân, khẳng định nhiệm vụ của Tòa án nhân dân trong công tác thi hành án hình sự và các quyết định, bản án hình sự của Tòa án nhân dân đều được mọi người tôn trọng và thi hành một cách triệt để, đúng pháp luật.

Từ đó, xã hội có cái nhìn về Tòa án nhân dân đúng đắn hơn, là cơ quan tư pháp, quyền lực nhất trong hệ thống tư pháp và là chủ thể bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo vệ công bằng xã hội, giữ nghiêm kỷ cương pháp luật xã hội chủ nghĩa.

7. Cơ cấu của luận văn.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo Luận văn bao gồm có 03 Chương:

Chương 1: Lý luận về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.

Chương 3: Thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự ở tỉnh Long An và giải pháp bảo đảm thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

1.1. Thi hành án hình sự

1.1.1. Khái niệm, bản chất, các đặc điểm thi hành án hình sự

Thi hành án hình sự vừa là công tác chuyên môn, nghiệp vụ vừa thể hiện quyền lực Nhà nước. Khi bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật thì bắt buộc phải có sự chấp hành, phối hợp của nhiều chủ thể thi hành án. “Thi hành án hình sự chính là thực hiện các phán quyết đó và nói một cách khái quát thì thi hành án hình sự là việc thực hiện công lý, công bằng xã hội trong thực tế”[43, tr.10]. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng của quản lý nhà nước, của xã hội nhằm đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa đối với mọi đối tượng, là nguyên tắc đã được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hoạt động thi hành án hình sự mang tính đặc thù. Ngoài việc thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình còn có nhiệm vụ nâng cao tính hiệu quả của Nhà nước về công tác quản lý thi hành án hình sự. Tòa án nhân dân thực hiện đúng và tốt thẩm quyền trong công tác thi hành án hình sự góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật trong cả xã hội. Chính vì vậy việc đảm bảo nghiêm túc, triệt để tính hiệu lực của bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân là một yêu cầu đặc biệt quan trọng.

Có nhiều quan điểm khác nhau về công tác thi hành án hình sự, có quan điểm cho rằng Tòa án nhân dân không phải là chủ thể chủ yếu trong công tác thi hành án mà công tác thi hành án hình sự là công việc chung của nhiều cơ quan thực hiện quyền tư pháp, cũng có quan điểm cho rằng Tòa án nhân dân giữ vai trò quyết định trong công tác thi hành án hình sự. Về mặt thực tế thì công tác thi hành án hình sự hiện nay, tùy theo loại hình phạt Tòa án quyết định áp dụng mà do các cơ quan có

trách nhiệm tổ chức thi hành như Tòa án; Viện kiểm sát; Công an; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, tổ chức nơi bị án cư trú, làm việc...

Trong các quy định về hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền thi hành án hình sự, có sự phân định rõ, rành mạch chức năng của cơ quan quản lý thi hành án hình sự với cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự, bảo đảm sự phân công, phối hợp đồng bộ trong việc thực hiện công tác thi hành án hình sự trên thực tế và phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy hiện hành có thẩm quyền của nhà nước ta, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất công tác thi hành án hình sự vào một đầu mối nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án.

Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; do vậy Tòa án nhân dân có vai trò quan trọng, đặc biệt trong công tác thi hành án hình sự. Tòa án nhân dân có thẩm quyền trong việc ban hành quyết định thi hành án hình sự, xét miễn giảm, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án hình sự... Đối tượng để Tòa án nhân dân làm căn cứ ra quyết định thi hành án hình sự là bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật. Nếu chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá, kết án mà không được đảm bảo thực hiện trên thực tế bằng các biện pháp thi hành án hình sự thì sự giáo dục, phòng ngừa, cải tạo đối với người phải thi hành án và tính thực thi của pháp luật không có hiệu quả, không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

“Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”[23]. Từ đó cho thấy rằng thi hành án hình sự là một hoạt động mang tính quyền lực nhà nước nhằm thực hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân trong thực tiễn. Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân được thi hành chính là sự thể hiện tính thực thi của pháp luật, đảm bảo công lý, đảm bảo công bằng xã hội.

Về mặt lý luận, công tác thi hành án hình sự được điều chỉnh bởi Luật tổ tụng hình sự, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Công an nhân dân, Luật

tổ chức Tòa án nhân dân, Luật thi hành án hình sự... Luật quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan trong quá trình thi hành án hình sự. Về mặt thực tiễn đây là vấn đề đang được quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, nhà làm luật, các cơ quan nhà nước và nhân dân.

Bộ Luật tố tụng hình sự, Luật hình sự, Luật thi hành án hình sự đã có những quy định cụ thể về thi hành án hình sự, Luật công an nhân dân, Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, các Thông tư liên tịch... được ban hành quy định và hướng dẫn nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức trong công tác thi hành án để từ đó có sự phối hợp thực hiện tốt đảm bảo cho các quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm túc nhằm không bỏ lọt bị án chưa được thi hành án.

Thi hành án hình sự được xem là giai đoạn cuối cùng của một quá trình giải quyết một vụ án, sau quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy nếu một bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật không được thi hành trên thực tế thì toàn bộ hoạt động của quá trình điều tra, truy tố, xét xử sẽ không có giá trị, không có ý nghĩa. Bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật không được thi hành hoặc thi hành không đúng quy định thì công lý, trật tự xã hội không được đảm bảo, ảnh hưởng đến tính uy nghiêm của cả hệ thống pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lực, uy tín của nhà nước. Chính vì vậy, việc bảo đảm hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định của Tòa án là một yêu cầu rất quan trọng, bởi nó đảm bảo tính thực thi của pháp luật, đảm bảo việc giáo dục cảm hóa tư tưởng, giáo dục nhân cách cũng như góp phần ngăn ngừa chung và tạo điều kiện tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành án sau khi chấp hành xong hình phạt.

1.1.2. Chủ thể thi hành án hình sự

Trước khi có Luật thi hành án hình sự thì các cơ quan có chức năng thi hành án hình sự ở nước ta tương đối đơn giản. Đối với việc thi hành hình phạt tù thì do các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ (Bộ Công an hiện nay) phụ trách. Đối với các hình phạt khác không phải là hình phạt tử hình, không phải là hình phạt tù và các biện pháp tư pháp thì giao cho chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi người phải

chấp hành án cư trú, làm việc quản lý. Đối với hình phạt tiền, tịch thu tài sản... thì được giao cho cơ quan thi hành án dân sự thực hiện. Do nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện, nhiều văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục thi hành từng loại hình phạt khác nhau đã dẫn đến sự áp dụng pháp luật thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ; sự phối hợp giữa các chủ thể có chức năng, nhiệm vụ thi hành án hình sự còn chưa chặt chẽ nên phát sinh nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng của công tác này.

Trước tình hình đó, để khắc phục, thống nhất các quy định của pháp luật về hệ thống tổ chức thi hành án hình sự, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án hình sự, Quốc hội nước ta đã ban hành Luật thi hành án hình sự số 53/2010/QH13 ngày 17/6/2010 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011. Theo đó hệ thống tổ chức thi hành án hình sự nước ta gồm ba loại cơ quan gồm: Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. Chương II của Luật thi hành án hình sự đã quy định về hệ thống tổ chức thi hành án hình sự, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể có thẩm quyền trong thi hành án hình sự (gồm 11 Điều: từ Điều 10 đến Điều 20) với những nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống tổ chức thi hành án hình sự, theo quy định tại Điều 10 Luật thi hành án hình sự, có 03 loại cơ quan:

+ Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

+ Cơ quan thi hành án hình sự bao gồm trại giam thuộc Bộ Công an, trại giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại giam thuộc quân khu; cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương;

+ Cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự bao gồm trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam cấp quân khu; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan này:

+ Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được quy định cụ thể tại các Điều 11, Điều 12 Luật thi hành án hình sự;

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu, cấp huyện được quy định cụ thể tại các Điều 13, 14, 15 của Luật thi hành án hình sự.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Trại giam được quy định tại Điều 16. Theo đó, trại giam được xác định là cơ quan thi hành án phạt tù và có 12 nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật thi hành án hình sự.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự được quy định cụ thể tại các Điều 17, 18, 19, 20 của Luật thi hành án hình sự

Như vậy, hệ thống tổ chức thi hành án hình sự gồm có các cơ quan chuyên trách, không chuyên trách, cơ quan nhà nước. Luật thi hành án hình sự quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, của các chủ thể như sau:

1.1.2.1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật thi hành án hình sự thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự gồm: Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an và cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

- Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an: Thực hiện nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Công an thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an là Tổng cục thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp. Trong đó có các Cục nghiệp vụ là: Cục tham mưu; Cục theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Cục hướng dẫn tạm giam, tạm giữ; Cục quản lý phạm nhân, trại viên; Cục giáo dục cải tạo và hòa nhập cộng đồng; Cục hậu cần kỹ thuật; Thanh tra Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

Các cơ quan này có những nhiệm vụ, quyền hạn sau [28]:

+ Giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện các công việc: tổ chức triển khai thi hành pháp luật về thi hành án hình sự; chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và tổng kết công tác thi hành án hình sự.

+ Kiểm tra công tác thi hành án hình sự.

+ Quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án.

+ Trực tiếp quản lý các trại giam thuộc Bộ Công an.

+ Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Công an giao trong công tác thi hành án hình sự.

- Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng là Cục điều tra hình sự, có những nhiệm vụ, quyền hạn sau [28]:

+ Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện các công việc: tổ chức triển khai thi hành pháp luật về thi hành án hình sự; chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và tổng kết công tác thi hành án hình sự trong quân đội.

+ Kiểm tra công tác thi hành án hình sự trong quân đội theo quy định của Luật này.

+ Quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án.

+ Trực tiếp quản lý các trại giam thuộc Bộ Quốc phòng.

+ Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao trong công tác thi hành án hình sự.

1.1.2.2. Cơ quan thi hành án hình sự

Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật thi hành án hình sự thì cơ quan thi hành án hình sự bao gồm: Trại giam thuộc Bộ Công an; Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại giam thuộc quân khu; Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương.

- Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau [28]:

+ Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án hình sự trên địa bàn cấp tỉnh: Chỉ đạo nghiệp vụ và kiểm tra công tác thi hành án hình sự đối với trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Tổng kết công tác thi hành án hình sự và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

+ Tiếp nhận quyết định thi hành án hình sự của Tòa án có thẩm quyền; hoàn tất thủ tục, hồ sơ và danh sách người chấp hành án phạt tù để báo cáo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định.

+ Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

+ Tổ chức thi hành án trực xuất; tham gia thi hành án tử hình; quản lý số phạm nhân phục vụ việc tạm giam, tạm giữ theo quy định của Luật này.

+ Ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức lực lượng truy bắt phạm nhân bỏ trốn khỏi trại tạm giam hoặc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người chấp hành án phạt trực xuất bỏ trốn.

+ Quyết định trích xuất hoặc thực hiện lệnh trích xuất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt theo thẩm quyền.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

- Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có nhiệm vụ, quyền hạn sau [25]:

+ Giúp Tư lệnh quân khu quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án hình sự trên địa bàn quân khu và tương đương: Chỉ đạo nghiệp vụ và kiểm tra công tác thi hành án hình sự; Quản lý trại giam thuộc quân khu; Tổng kết công tác thi hành án hình sự và thực hiện thống kê, báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

+ Tiếp nhận quyết định thi hành án hình sự của Tòa án có thẩm quyền; hoàn tất thủ tục, hồ sơ, lập danh sách người chấp hành án phạt tù để báo cáo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định.

+ Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ việc chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

+ Tham gia thi hành án tử hình; quản lý số phạm nhân phục vụ việc tạm giam theo quy định của Luật này.

+ Cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt theo thẩm quyền.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

- Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có những nhiệm vụ, quyền hạn sau [28]:

+ Giúp Trưởng Công an cấp huyện quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án hình sự trên địa bàn cấp huyện: hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi hành án hình sự theo thẩm quyền đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; chỉ đạo, kiểm tra Công an cấp xã trong việc giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ thi hành án hình sự theo quy định của Luật này; thực hiện thống kê, báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

+ Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án, các tài liệu có liên quan, lập hồ sơ thi hành án để chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm

công việc nhất định, tước một số quyền công dân, quản chế và án treo theo quy định của Luật này.

+ Áp giải thi hành án đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, được hoãn, tạm đình chỉ.

+ Trực tiếp quản lý số phạm nhân phục vụ tại nhà tạm giữ.

+ Tổng đạt quyết định thi hành án cho người bị kết án phạt tù đang ở nhà tạm giữ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

+ Lập hồ sơ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề đề nghị cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người bị kết án phạt tù đang ở nhà tạm giữ, được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án đi chấp hành án; đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định truy nã đối với người trốn thi hành án phạt tù.

+ Cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt theo thẩm quyền.

+ Quyết định trích xuất hoặc thực hiện lệnh trích xuất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

- Trại giam là cơ quan thi hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức như sau [28]:

+ Tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân; thông báo cho thân nhân của phạm nhân về việc tiếp nhận phạm nhân và tình hình chấp hành án của người đó; đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét giảm thời hạn chấp hành án, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện các thủ tục đề nghị đặc xá cho phạm nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện lệnh trích xuất của cơ quan, người có thẩm quyền; nhận tài sản, tiền mà phạm nhân, thân nhân của phạm nhân tự nguyện nộp tại trại giam để thi hành án, chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có trụ sở; nhận tài sản, tiền do cơ quan thi hành án dân sự chuyển đến để giao cho

phạm nhân theo quy định của Luật thi hành án dân sự; phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin, chuyển giao giấy tờ có liên quan đến phạm nhân phải thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, các nghĩa vụ dân sự khác về nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù, việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của phạm nhân, nơi về cư trú của người được đặc xá, người được miễn chấp hành án phạt tù, người chấp hành xong án phạt tù, phạm nhân chuyển nơi chấp hành án phạt tù hoặc chết; cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá; làm thủ tục giải quyết trường hợp phạm nhân chết theo quy định tại Điều 49 của Luật này; bàn giao phạm nhân là người nước ngoài theo quyết định của Tòa án về việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân là công dân Việt Nam phạm tội và bị kết án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam để chấp hành án; thực hiện các quy định của Luật này về thi hành án trực xuất; Thực hiện thống kê, báo cáo về thi hành án phạt tù; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Giám thị trại giam có nhiệm vụ, quyền hạn sau: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam theo quy định tại khoản 1 Điều này; ra quyết định phân loại và tổ chức giam giữ phạm nhân theo loại; quyết định kiểm tra, thu giữ, xử lý đồ vật, tài liệu thuộc danh mục cấm; ra quyết định trích xuất phạm nhân phục vụ yêu cầu khám, chữa bệnh, quản lý, lao động, học tập; ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức lực lượng truy bắt kịp thời phạm nhân trốn trại giam.

+ Phó giám thị trại giam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Giám thị theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám thị và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao.

+ Trại giam được tổ chức như sau: Trại giam có phân trại, khu giam giữ, nhà giam, các công trình phục vụ việc quản lý giam giữ, phục vụ sinh hoạt, chăm sóc y tế, giáo dục cải tạo phạm nhân; các công trình phục vụ làm việc, sinh hoạt của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức công tác tại trại giam. Tổ chức bộ máy quản lý của trại giam gồm có Giám thị, Phó giám thị, Trưởng phân trại, Phó trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó đội trưởng; sĩ quan, quân

nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan; chiến sĩ và công nhân, viên chức. Giám thị, Phó giám thị, Trưởng phân trại, Phó trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó đội trưởng phải là người đã tốt nghiệp đại học Cảnh sát, đại học An ninh, đại học Luật trở lên và bảo đảm các tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ.

1.1.2.2. Cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự

Theo khoản 2 Điều 10 Luật thi hành án hình sự thì cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự gồm có: Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng, Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh, Trại tạm giam cấp quân khu; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương; Tòa án.

- Trại tạm giam có nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành án hình sự như sau:

+ Tiếp nhận, quản lý giam giữ người bị kết án tử hình.

+ Trực tiếp quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân chấp hành án tại trại tạm giam theo quy định của Luật này [28].

- Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành án hình sự như sau: Giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân và án treo. Công an cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này [28].

- Đơn vị quân đội có nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành án hình sự như sau: Giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân và án treo theo quy định của Luật này [28].

- Tòa án: Để bảo đảm phù hợp với Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự cũng đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong việc ra quyết định thi hành án; quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình; ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án phạt tù; miễn giảm thời hạn chấp hành án; xem xét, giải quyết việc cho nhận tử thi của người chấp hành

án tử hình; gửi các bản án, quyết định và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về thi hành án hình sự [28].

Việc quy định về hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án hình sự đã phân định rõ ràng chức năng của các chủ thể thi hành án hình sự, bảo đảm sự phân công, phối hợp đồng bộ trong thực hiện trên thực tế và phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy hiện hành của Nhà nước ta, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả công tác này.

1.1.3. Vai trò, ý nghĩa của thi hành án hình sự

Thi hành án hình sự là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước nhằm đảm bảo bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án được thực hiện đúng đắn trên thực tế.

Thi hành án hình sự là giai đoạn cuối cùng của một vụ án hình sự. Quyết định hình phạt của Tòa án chính là sự đánh giá, sự lên án của nhà nước đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Là giai đoạn cuối cùng của quá trình giải quyết một vụ án hình sự, thi hành án có mối quan hệ hữu cơ với các giai đoạn trước đó từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy, nếu chỉ dừng ở mức độ đánh giá, lên án mà không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì toàn bộ kết quả đạt được của các giai đoạn tố tụng trước đó sẽ không có ý nghĩa.

Do đó, pháp luật hình sự đã có những quy định cụ thể về thi hành án hình sự, các ngành tư pháp Trung ương và Tòa án nhân dân tối cao cũng đã ban hành một số Thông tư liên tịch, Nghị quyết để hướng dẫn một số quy định của pháp luật về phần thi hành án hình sự với mục đích thi hành nghiêm túc các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay.

Tòa án nhân dân nhà nước tuyên án với bị cáo, áp dụng mức hình phạt và loại hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi bị cáo đã gây ra. Bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân được đưa ra thi hành chính là lúc công lý được thực hiện trên thực tiễn cuộc sống. Thi hành án hình sự là giai đoạn thể hiện rõ nét chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta với tiêu chí cảm hóa, giáo dục,

phòng ngừa gắn liền với đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng lao động...cho người đang chấp hành hình phạt nhằm giúp họ tiến bộ, nhận thức cuộc sống tiến bộ hơn, trở thành người có ích cho xã hội. Bên cạnh đó cũng góp phần phát huy hiệu quả phòng ngừa tội phạm nói chung.

1.2 Lý luận về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự ở Việt Nam

1.2.1. Vai trò của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

Nghị quyết của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam quy định: “Hoàn thiện pháp luật về tổ chức hoạt động của Tòa án, đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập đúng pháp luật và hoàn thiện cơ chế quản lý Tòa án các cấp” [2].

Trong hoạt động của mình Tòa án nhân dân giữ nhiệm vụ quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp và đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước trao cho Tòa án nhân dân những nhiệm vụ cụ thể nhất định thể trong Bộ luật, Luật và Nghị quyết và có sự phân quyền phù hợp với phạm vi từng cấp để Tòa án hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Từ khi phát hiện một hành vi phạm tội xảy ra phải trải qua quá trình điều tra, truy tố, xét xử cho đến khi hình phạt được tuyên trong một bản án thì việc giải quyết vụ án hình sự xem như kết thúc. Khi một bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật, được đưa ra thi hành án thì Tòa án nhân dân có vai trò rất quan trọng, là chủ thể duy nhất có thẩm quyền ra quyết định thi hành án hình sự. Vì vậy, trong công tác này Tòa án nhân dân phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và chính xác, xem xét từng trường hợp cụ thể, đối chiếu với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân phải đảm bảo được thi hành và thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế.

Bản án, quyết định được thi hành là những bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Bản án có hiệu lực là bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm; bản án phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm, hay tái thẩm. Tuy nhiên có những bản án thi hành ngay khi chưa có hiệu lực pháp luật đó là

trường hợp bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự như quyết định trục xuất khỏi Việt Nam... Ngoài ra, còn có quyết định áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, giáo dục tại xã, phường, thị trấn, quyết định đưa vào trường giáo dưỡng. Quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam chấp hành hay quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho người nước ngoài. Tòa án có nhiệm vụ quan trọng là ra quyết định thi hành án hình sự, quyết định ủy thác thi hành án hình sự, quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, quyết định giảm thời gian chấp hành hình phạt tù, quyết định giảm thời gian thử thách của án treo, quyết định xóa án tích hoặc cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Ngoài ra Tòa án nhân dân còn có nhiệm vụ theo dõi việc đưa người bị phạt tù giam vào trại giam để thi hành án, theo dõi việc chấp hành án mà Tòa án giao cho chính quyền địa phương nơi bị án cư trú hoặc nơi cơ quan bị án làm việc; xem xét miễn giảm thi hành án đối với việc bị phạt tiền, án phí; tổ chức thi hành án tử hình; tham gia giúp Hội đồng đặc xá Trung ương thực hiện các thủ tục đặc xá...

Tòa án có quyền ra quyết định thi hành án và người bị kết án phải có trách nhiệm thi hành hình phạt được tuyên trong bản án, quyết định của Tòa án. Tòa án ra quyết định thi hành hình phạt được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Riêng các quyết định về thi hành phân dân sự trong vụ án hình sự thì do cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành.

Từ đó cho thấy Tòa án nhân dân có vai trò quan trọng trong công tác thi hành án hình sự. Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án hình sự, các chủ thể khác như Viện kiểm sát, Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã... có trách nhiệm phối hợp trong công tác thi hành án hình sự. Vì vậy, việc bỏ lọt người phạm tội có được đưa ra thi hành án hay không là trách nhiệm của Tòa án. Tòa án nhân dân phải thực hiện đầy đủ, chính xác các trình tự, thủ tục, điều kiện... và đúng thẩm quyền của mình trong công tác này nhằm để các bản án, quyết định được đưa ra thi hành đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Như đã nêu trên, công tác thi hành án hình sự do nhiều chủ thể thực hiện, trong đó Tòa án có vai trò rất quan trọng. Đây là công tác vừa mang tính chuyên môn, nghiệp vụ, vừa thể hiện quyền lực Nhà Nước. Nhà nước quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn cho Tòa án vì vậy nếu một bản án, quyết định không được thi hành hay nói cách khác Tòa án không thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình thì toàn bộ hoạt động của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử không mang được giá trị nghiêm minh của pháp luật, quyền lực Nhà nước bị ảnh hưởng.

1.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

“Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”[33]. Đây là nhiệm vụ được Hiến pháp quy định chung, để thực hiện nhiệm vụ trên thì Luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật hình sự,... quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Tòa án trong từng giai đoạn và trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như những công tác khác của Tòa án nhân dân.

Tòa án nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành án hình sự theo quy định của Luật tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự như ban hành quyết định thi hành án hình sự, quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, ra quyết định miễn hoặc giảm quyết định chấp hành hình phạt tù, quyết định xóa án tích và ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình, báo cáo, thống kê về thi hành án hình sự...

Thẩm quyền ký ban hành các quyết định thi hành án hình sự, xóa án tích, đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án... do người lãnh đạo đứng đầu Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có thẩm quyền, cụ thể là Chánh án Tòa án nhân dân, nếu Chánh án vắng mặt thì Phó chánh án chỉ được ký thay khi có quyết định ủy nhiệm của Chánh án. Quyền hạn của Chánh án ở đây không mang tính quyền lực cá nhân mà là với chức vụ là người lãnh đạo đơn vị Tòa án, đây là quyền lực về quản

lý hành chính. Đối với thi hành án tử hình thì Chánh án có thẩm quyền ký quyết định thi hành án hình sự, ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình.

Việc xét giảm thi hành án dân sự trong vụ án hình sự Chánh án phân công cho Thẩm phán tiến hành và ra quyết định. Đối với những công việc thi hành án về thủ tục hồ sơ, theo dõi và đề xuất, dự thảo các quyết định liên quan đến thi hành án hình sự thì Chánh án phân công Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký...thực hiện công việc trên.

Chương 2
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN CỦA
TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

2.1. Khái quát pháp luật về thẩm quyền Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự trước khi có Luật thi hành án hình sự

2.1.1. Trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988

Cùng với sự hình thành và phát triển của pháp luật hình sự thì những quy định về Thi hành án hình sự cũng được hình thành và phát triển để nhằm đảm bảo các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân được thi hành. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự chưa được quy định cụ thể.

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1986 Nhà nước xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình kinh tế tập trung, bao cấp nên việc xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật thi hành án hình sự nói riêng chưa được phát triển trong giai đoạn này. Bộ luật hình sự năm 1985 được xem là văn bản pháp lý cơ bản để áp dụng, ngoài ra không có văn bản pháp luật nào khác mang tính hệ thống và đầy đủ, nhất là các quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân về thi hành án hình sự. Các văn bản pháp luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự ít được ban hành và chưa công bố rộng rãi do điều kiện của đất nước và kỹ năng lập pháp thời kỳ này còn nhiều hạn chế. Chỉ đến khi Bộ luật tố tụng hình sự đầu tiên được ban hành thì sự phát triển của pháp luật về thi hành án hình sự bước sang giai đoạn tiến bộ hơn, thẩm quyền của Tòa án trong thi hành án hình sự được quy định tương đối cụ thể hơn.

2.1.2. Trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 và Pháp lệnh Thi hành án phạt tù năm 1993

Đến giai đoạn trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, tình hình đất nước ta bước sang thời kỳ mở cửa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước ban hành nhiều văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho các thành phần kinh tế phát triển. Bên cạnh đó tình hình tội phạm cũng gia tăng, Tòa án nhân dân đã xét xử nhiều vụ án với nhiều loại tội phạm khác nhau, số lượng bị cáo bị kết án ngày càng tăng. Vì thế, yêu cầu phải ban hành các quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân về thi hành án hình sự nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình thi hành án hình sự là điều rất cần thiết.

Trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, Nhà nước ta chưa pháp điển hóa công tác thi hành án hình sự. Các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự chủ yếu được quy định trong các văn bản dưới luật như: Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư liên ngành, Thông tư hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự là Bộ Công an. Việc quy định như trên còn chưa toàn diện, còn mang ý chí chủ quan của cơ quan soạn thảo nên chưa đảm bảo để Tòa án nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ về thi hành án hình sự một cách thống nhất .

Ngày 08/3/1993 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thi hành án phạt tù gồm 6 Chương 37 Điều, trong đó Chương 1 về những quy định chung; Chương 2 quy định cụ thể về cơ quan quản lý công tác thi hành án phạt tù và tổ chức thi hành án phạt tù; Chương 3 quy định thủ tục thi hành án phạt tù. Tuy nhiên, thẩm quyền của Tòa án nhân dân chỉ quy định một cách khái quát chung chung, cụ thể tại Điều 3 Pháp lệnh quy định “Tòa án, Viện kiểm sát có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý và thi hành án phạt tù trong công tác thi hành án và kịp thời ra những quyết định có liên quan đến việc thi hành án theo quy định của pháp luật” và tại Điều 7 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong việc hoãn chấp hành hình phạt tù.

Từ đó cho thấy thẩm quyền của Tòa án đối với công tác thi hành án hình sự trong giai đoạn này còn mờ nhạt, pháp luật chưa quy định cụ thể, rõ ràng mà đa phần thực hiện theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự (từ Chương XXIV đến chương XXVIII, từ Điều 226 đến Điều 238). Do đó, về mặt nhận thức xem thi hành án hình sự như một giai đoạn của tố tụng hình sự, thi hành án hình sự chưa được nhìn nhận như một ngành luật độc lập và thẩm quyền cụ thể của từng chủ thể trong thi hành án hình sự chưa được phân định rõ.

Để cụ thể hóa Pháp lệnh thi hành án phạt tù, Tòa án nhân dân Tối cao-Bộ Nội vụ-Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên ngành số 03/TTLN ngày 30/6/1993 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Pháp lệnh về thủ tục đưa người bị kết án vào Trại giam để chấp hành hình phạt; việc hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù; việc đưa người đang chấp hành hình phạt tù bị mắc bệnh tâm thần vào cơ sở chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh; giải quyết người đang chấp hành hình phạt tù chết trong trại giam; vấn đề trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù.

Đây là lần đầu tiên hoạt động thi hành án phạt tù đã ghi nhận ở tầm Pháp lệnh. Điều này thể hiện sự phát triển của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực thi hành án hình sự. Việc ghi nhận này không những tạo cơ sở pháp lý trong quản lý Nhà nước mà còn đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kết án phạt tù mà pháp luật đã quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Pháp lệnh này vẫn còn một số bất cập, hạn chế cần được sửa đổi để phù hợp hơn với thực tiễn.

Ngày 21 tháng 12 năm 1999, kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa X đã thông qua Bộ luật hình sự, có hiệu lực ngày 01/7/2000. Để thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, ngày 21/12/1999 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 32/1999/QH10 và ngày 28/01/2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 229/2000/NQ-UBTVQH10 hướng dẫn việc thi hành án đối với trường hợp miễn thi hành hình phạt tử hình đối với một số tội mà Bộ luật hình sự năm 1985 có quy định hình phạt tử hình; việc miễn chấp hành hình phạt đối với người bị kết án trước ngày công bố Bộ luật hình sự năm 1999 về hành vi mà Bộ luật hình sự trước đây quy định là tội

phạm nhưng Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định là tội phạm. Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và các hướng dẫn thi hành mặc dù không đơn thuần thuộc lĩnh vực thi hành án hình sự nhưng việc thi hành trong thực tiễn liên quan trực tiếp đến công tác thi hành án và tác động đến quyền lợi của người bị kết án.

Ngoài các quy định trên, trong giai đoạn này Nhà nước ta còn có các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành án đối với các hình phạt và biện pháp tư pháp khác nhau như Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo; Nghị định 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Nghị định 59/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội; Nghị định 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế... Từ đó, thể hiện Nhà nước ta quan tâm đến công tác thi hành án hình sự, cụ thể là nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân và các văn bản về thi hành án hình sự ngày được ban hành nhiều hơn, làm tiền đề cho sự hình thành và phát triển thành một ngành luật độc lập.

2.2. Pháp luật thực định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

2.2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Kế thừa các quan niệm trước đây, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 vẫn xem thi hành án hình sự là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự. Bộ luật này dành riêng phần thứ năm từ Điều 255 đến Điều 271 quy định về thi hành án hình sự. Đã quy định cụ thể thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc ra quyết định thi hành án; ra quyết định hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, đình chỉ chấp hành án phạt tù; miễn giảm thời hạn chấp hành án; gửi các bản án, quyết định và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về thi hành án hình sự; giải quyết khiếu nại... Nhà làm luật nước ta từng quan điểm rằng thi hành án hình sự là một giai đoạn trong quá trình tố tụng nên khi xây dựng và thông qua Bộ luật tố tụng hình sự đều dành một phần riêng biệt quy định về thi hành bản án và quyết định của Tòa án, cụ

thể quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án. Tuy nhiên, không phải tất cả các quy định về thi hành án và quyết định của Tòa án đều được quy định đầy đủ trong Bộ luật tố tụng hình sự mà còn được quy định trong các văn bản dưới luật khác như Nghị định, Pháp lệnh...

Các văn bản pháp luật điều chỉnh về thi hành án hình sự và quyết định của Tòa án được ban hành như Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt và Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bổ sung một số hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007; Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT ngày 17/06/2005 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp-Bộ Công an-Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn, giảm thi hành án đối với khoản tiền phạt, án phí.

2.2.1.1. Thẩm quyền ra các quyết định về đưa các bản án, quyết định ra thi hành

- Quyết định thi hành án:

Theo quy định tại Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và các Điều 57, 58, 59, 76 Bộ luật hình sự thì Tòa án nhân dân có nhiệm vụ ra quyết định thi hành án hình sự đối với bản án do Tòa án mình xét xử đã có hiệu lực pháp luật. Những bản án và quyết định được thi hành là những bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật, những bản án và quyết định của Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm, những quyết định của Tòa án giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Về nguyên tắc thì “mọi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đều phải được thi hành nghiêm chỉnh và phải được các cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan trong phạm vi trách nhiệm của mình phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định của Tòa án và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành đó”[25]. Tuy nhiên, những bản án, quyết định Tòa án

nhân dân đã tuyên bố bị cáo không phạm tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, áp dụng hình phạt tù khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam, quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm hoặc quyết định đình chỉ, hủy bản án sơ thẩm trong trường hợp bị cáo đã chết, cảnh cáo tại phiên tòa, buộc xin lỗi công khai. Trong trường hợp bị cáo đang bị tạm giam, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Thi hành ngay được hiểu là hủy biện pháp tạm giam và Hội đồng xét xử ban hành quyết định thi hành trong các trường hợp trên nhưng về nguyên tắc bản án có hiệu lực pháp luật mới được ra quyết định thi hành án. Những phần bản án bị kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án chưa ra quyết định thi hành án theo quy định khoản 1 Điều 277 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bản án hình sự có phần trách nhiệm dân sự thì phần trách nhiệm dân sự do cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án. Tòa án có nhiệm vụ ra quyết định thi hành đối với những hình phạt bổ sung như quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, hình phạt trục xuất... Theo luật định, chủ thể thi hành án gồm cơ quan Công an thi hành hình phạt trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân và tham gia Hội đồng thi hành hình phạt tử hình; Chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc có nhiệm vụ theo dõi, giáo dục, giám sát việc cải tạo của những người được hưởng án treo hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ; Việc thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định do Chính quyền phường, xã, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi thi hành án đảm nhiệm, trong đó cơ quan thi hành án dân sự có nhiệm vụ thi hành hình phạt tiền.

Riêng hình phạt tiền dù là hình phạt chính hay hình phạt bổ sung thì do cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành. Để việc đưa bản án, quyết định ra thi hành đúng quy định thì cần xác định đúng thời hạn án có hiệu lực pháp luật, hay

nói cách khác phải xác định đúng thời hạn ra quyết định thi hành án hình sự khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Để việc đưa người bị kết án đến trại giam thi hành án thì trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm thì Chánh án Tòa án nhân dân đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án nhân dân khác cùng cấp ra quyết định thi hành án theo quy định. Quyết định thi hành án phải được thực hiện theo mẫu thống nhất và đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự và được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Trại giam và người bị kết án.

Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền có nhiệm vụ ra quyết định thi hành án hình sự trong thời hạn bảy ngày bao gồm cả ngày làm việc và ngày nghỉ. Việc giao bản án và quyết định phúc thẩm trong thời hạn mười ngày kể từ ngày tuyên án hoặc ngày ra quyết định thì Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án hoặc quyết định phúc thẩm cho người kháng nghị, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an nơi đã xử sơ thẩm, người đã kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án phúc thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự... Trong trường hợp Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể dài hơn nhưng không quá 25 ngày nhưng hiệu lực của quyết định giám đốc thẩm và việc giao quyết định giám đốc thẩm và hiệu lực của quyết định tái thẩm và việc giao quyết định tái thẩm, quy định trong thời hạn mười ngày kể từ ngày ra quyết định Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm cho người bị kết án, người kháng nghị, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an nơi Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm...

Trong trường hợp người bị kết án phạt tù giam nhưng đang tại ngoại thì Tòa án nhân dân phải tổng đạt quyết định cho họ và gửi đến cơ quan Công an cùng cấp

để áp giải thi hành án trong trường hợp họ không tự nguyện thi hành. Quyết định thi hành hình phạt đối với người bị phạt tù giam nhưng đang tại ngoại trong trường hợp người bị kết án có địa chỉ thường trú ở huyện hoặc tỉnh khác. Theo quy định tại Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự thì Chánh án Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định ủy thác đến Tòa án nhân dân nơi người bị kết án thường trú để Chánh án Tòa án nơi nhận ủy thác có nhiệm vụ ra quyết định thi hành hình phạt tù.

Về việc ủy thác cho Tòa án nhân dân cùng cấp ra quyết định thi hành án: Tòa án nhân dân khác cùng cấp là cùng cấp huyện hoặc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Chánh án ra quyết định ủy thác và cung cấp hồ sơ liên quan cho Tòa án nhân dân được ủy thác thực hiện ra quyết định thi hành án hình sự.

- Quyết định hoãn thi hành án:

Hoãn thi hành án là việc Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án đối với người bị xử hình phạt tù đang được tại ngoại nhưng xét thấy có những căn cứ quy định tại Điều 61 Bộ luật hình sự hoặc xét thấy có căn cứ khác để chưa buộc họ phải chấp hành hình phạt theo thời hạn quy định thì Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù. Nếu quá thời hạn bảy ngày kể từ ngày hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù, người bị kết án không có mặt tại Cơ quan thi hành án hình sự đã nêu trong quyết định để chấp hành hình phạt tù mà không có lý do chính đáng, thì Cơ quan thi hành án hình sự phải áp giải người bị kết án đi chấp hành án.

Tòa án ra nhân dân đã ban hành quyết định thi hành án có quyền ban hành quyết định hoãn thi hành án mà cụ thể là Chánh án thực hiện quyền này. Nếu không chấp nhận hoãn thì Chánh án ra thông báo về việc không chấp nhận hoãn thi hành án và có trách nhiệm gửi thông báo trên cho cơ quan, tổ chức, cá nhân xin hoãn. Tòa án có nhiệm vụ xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị thông báo hay quyết định về thi hành án hình sự của Tòa án, khi đó Tòa án có quyền hủy thông báo hoặc quyết định hoãn hay bác kháng nghị của Viện kiểm sát. Tòa án có thẩm quyền ban hành quyết định hoãn thi hành án

theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân hay tự mình khi thấy cần thiết có quyền ban hành quyết định hoãn thi hành án hình sự.

Tòa án nhân dân phải có nhiệm vụ theo dõi về việc hoãn chấp hành hình phạt tù. Các tiêu chí theo dõi phải được thể hiện như họ và tên người bị kết án, số bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, ngày tháng năm của bản án, quyết định thi hành án, tội danh và mức hình phạt tù, lý do được hoãn chấp hành hình phạt tù, quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù số, ngày tháng năm, thời gian được hoãn, ngày hết hạn hoãn, hoãn lần thứ mấy. Từ những tiêu chí theo dõi, quản lý nêu trên, Tòa án nhân dân có căn cứ để ra quyết định thi hành án và khi thấy cần thiết, có căn cứ Chánh án có quyền ký quyết định cho hoãn. Trường hợp không có căn cứ cho hoãn nữa thì thủ tục để buộc người bị kết án chấp hành hình phạt tù đúng như quy định tại khoản 2 Điều 261 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với những trường hợp bị bệnh nặng thì phải có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên thì Tòa án cho hoãn có thời hạn như trên, nếu Tòa án cho hoãn đến khi sức khỏe phục hồi thì phải có sự kiểm tra về sức khỏe để xác định bệnh chưa hồi phục. Tuy nhiên việc chờ kết quả của bệnh viện và bệnh viện nào có đủ điều kiện kết luận về tình trạng của bị án là vấn đề chưa được quy định cụ thể và điều đó dẫn đến việc đưa được bị án thi hành kéo dài thời gian. Khi xem xét nếu thấy có đủ điều kiện thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án cho người bị kết án được hoãn chấp hành án hoặc không chấp nhận thì phải thông báo nêu rõ lý do không chấp nhận. Khi hết thời gian hoãn thi hành án thì Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù phải ra quyết định thi hành hình phạt tù và gửi ngay quyết định thi hành án cùng bản án, quyết định phạt tù đã có hiệu lực pháp luật cho cơ quan Công an cùng cấp và người bị kết án trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù.

- Tạm đình chỉ thi hành án:

Tạm đình chỉ chấp hành án là việc Tòa án nhân dân cho người đang chấp hành hình phạt tù tạm thời không phải chấp hành hình phạt tù khi có các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 61 và Điều 62 Bộ luật hình sự. Người đang chấp hành hình

phạt tù thuộc đối tượng của việc tạm đình chỉ là người bị kết án phạt tù giam, đang bị giam giữ hoặc cải tạo tại các trại giam. Thẩm quyền này thuộc Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp huyện đã ra quyết định thi hành án. Việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải do người đã kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định. Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án xem xét, quyết định cho người đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù khi có hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù do Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp hoặc Ban giám thị Trại giam, Trại tạm giam lập và gửi đến Tòa án nhân dân hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Theo quy định tại Điều 62 Bộ luật hình sự thì người đang chấp hành hình phạt tù mà thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 61 Bộ luật hình sự thì có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Khác với hoãn chấp hành hình phạt tù, Tòa án chỉ xem xét việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trên cơ sở đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân hoặc Ban giám thị trại giam nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù.

“Chánh án Tòa án cấp tỉnh nơi người đang chấp hành hình phạt tù có thể cho người đó được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù”[25], trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 61 và Điều 62 Bộ luật hình sự. Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể cho người đang chấp hành hình phạt tù trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 61 và Điều 62 Bộ luật hình sự.

“Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người đang chấp hành hình phạt tù có thể cho người bị kết án phạt tù, đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù nếu người đó bị bệnh nặng”[25]. Đây là một quy định mới so với quy định trước đây là Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ trong mọi trường hợp. Nguyên nhân của sự thay đổi này là do quy định trước đây không phù hợp bởi lẽ sau khi có quyết định thi hành án hình sự, cơ quan Công an sẽ đưa người phải chấp hành hình phạt tù đi

cải tạo tại các trại giam và thực tế là không phải trại giam nào cũng gần nơi Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án. Do đó, khi người bị kết án bị bệnh nặng, việc xem xét, giải quyết để có thể ra quyết định tạm đình chỉ thường không kịp thời. Quy định Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người đang chấp hành hình phạt tù có thẩm quyền xem xét, ra quyết định tạm đình chỉ sẽ đảm bảo thuận lợi và nhanh chóng, kịp thời hơn khi người chấp hành hình phạt tù bị bệnh nặng. Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án có thể cho người đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 61 và Điều 62 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người đang chấp hành án mới có quyền cho tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong trường hợp người bị kết án bệnh nặng. Các trường hợp còn lại do Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án xem xét, quyết định cho người đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành án hay không khi có hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ. Hồ sơ tạm đình chỉ do Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp hoặc Ban giám thị Trại giam, Trại tạm giam lập. Tuy nhiên, việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì do người kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ trong thời hạn năm ngày làm việc thì Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét và ra quyết định chấp nhận hay là thông báo không chấp nhận. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Chánh án có quyền ra văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức lập hồ sơ để bổ sung, làm rõ thêm.

Tòa án có nhiệm vụ gửi quyết định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu, chính quyền nơi bị án cư trú hay làm việc. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị thông báo không chấp nhận tạm đình chỉ của Tòa án và Tòa án có trách nhiệm giải quyết kháng nghị trên. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù phải ra quyết định thi hành án đối với phần hình phạt còn lại và gửi ngay quyết định

đó cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ và người bị kết án.

“Tòa án có nhiệm vụ lập hồ sơ theo dõi để khi hết hạn hoặc lý do tạm đình chỉ không còn để ra quyết định tiếp tục thi hành hình phạt tù đối với người bị kết án và còn phải theo dõi những quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù do Tòa án các tỉnh khác gửi về”[25]. “Chánh án Tòa án nơi người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cư trú để chữa bệnh có trách nhiệm phối hợp với chính quyền xã, phường, thị trấn được giao quản lý người được tạm đình chỉ theo dõi việc chấp hành quyết định tạm đình chỉ của người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù”[2]. Nếu thấy sức khỏe của họ đã phục hồi thì phải báo ngay cho Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định tạm đình chỉ để Tòa án ra ngay quyết định thi hành hình phạt tù. Trường hợp thấy khó đánh giá là sức khỏe của người bị kết án đã phục hồi hay chưa thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người bị kết án cư trú để chữa bệnh có trách nhiệm trưng cầu giám định sức khỏe cho họ. Kết luận của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên là căn cứ để Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù ra quyết định tiếp tục thi hành án đối với họ hay không. Như vậy, mặc dù Chánh án Tòa án nhân dân nơi người bị kết án cư trú không ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù nhưng vẫn phải theo dõi tình trạng về sức khỏe của người bị kết án và làm thủ tục trưng cầu giám định sức khỏe để xác định tình trạng bệnh của người bị kết án.

Tòa án có nhiệm vụ phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị án cư trú hay làm việc được tạm đình chỉ thi hành án để theo dõi việc chấp hành trong thời gian hoãn hay tạm đình chỉ thi hành án. Trong thời gian tạm đình chỉ thi hành án mà bị án phạm tội mới thì Tòa án nhân dân có nhiệm vụ buộc bị án thi hành án.

2.2.1.2 Thẩm quyền của Tòa án trong thi hành án tử hình

Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Tử hình là hình phạt nghiêm khắc nhất, tước đi quyền được sống của người phạm tội. Nếu có sự sai sót, nhầm lẫn trong thi hành án tử hình thì có thể gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nếu đã thi hành xong thì không thể khắc phục được.

Chính vì vậy pháp luật quy định các trình tự thủ tục về hình phạt tử hình rất chặt chẽ. Bộ luật tố tụng hình sự đã dành 01 Chương (chương XXVI) quy định về thi hành hình phạt tử hình. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng ban hành nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 để hướng dẫn áp dụng thống nhất chương XXVI của Bộ luật tố tụng hình sự.

Theo đó, khi người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao hoặc người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm để nhận được quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc quyết định tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình. Người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án tử hình và bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Khi đủ điều kiện trên thì Tòa án ra quyết định thi hành án đây là cơ quan duy nhất có thẩm quyền này. Vì hiện nay Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tội phạm có khung hình phạt cao nhất là Tòa án cấp tỉnh và theo quy định thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm có trách nhiệm ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trước khi ra quyết định thi hành án hoặc trong quá trình thi hành hình phạt tử hình mà phát hiện người bị kết án là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án hoặc Hội đồng thi hành án tử hình phải hoãn thi hành án tử hình theo Điều 58 Luật thi hành án hình sự và báo cáo lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét

chuyển hình phạt từ tử hình xuống chung thân. Điều này cho ta thấy rằng Tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền thi hành hình phạt tử hình nhưng không có quyền xem xét giảm hình phạt khi có căn cứ quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự, mà thẩm quyền này thuộc Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Việc quy định như vậy là do tính chất nghiêm trọng của hình phạt tử hình và việc quyết định giảm hình phạt cao nhất được quy định trong Bộ luật hình sự phải do người đứng đầu ngành tư pháp quyết định.

2.2.1.3 Thẩm quyền ra quyết định về chấp hành hình phạt

- Quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt:

Trong quá trình chấp hành hình phạt nếu người bị kết án có nhiều tiến bộ, hay tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau,... thì Tòa án nhân dân có thể xem xét giảm chấp hành hình phạt, một người có thể được xem xét giảm nhiều lần, tuy nhiên phải đảm bảo ít nhất một phần hai mức hình phạt đã tuyên. Ngoài ra, pháp luật còn quy định được giảm trong trường hợp đặc biệt.

Theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét giảm mức hình phạt cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, phạt tiền. Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ khi xét giảm phải tuân thủ theo quy định với điều kiện định lượng là phải có thời gian chấp hành một phần ba thời hạn và điều kiện định tính tương tự như việc chấp hành thời gian thử thách mới được xem xét giảm lần đầu.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, Chánh án nhận hồ sơ đề nghị phân công một Thẩm phán phụ trách việc xét giảm thi hành án. Trong thời hạn mười ngày làm việc Thẩm phán có nhiệm vụ thông báo cho Viện kiểm sát ngày mở phiên họp, trong thời hạn 15 ngày Thẩm phán phải tiến hành mở phiên họp nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Thẩm phán có quyền yêu cầu cung cấp làm rõ hồ sơ. Phiên họp gồm 03 Thẩm phán và 01 Kiểm sát viên và Thẩm phán được phân công phụ trách hồ sơ trình bày, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và Hội đồng quyết định. Như vậy, việc ban hành quyết định chấp nhận giảm thời hạn chấp hành hình phạt hay quyết định

không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp này thẩm quyền thuộc về Hội đồng chứ không phải thẩm quyền cá nhân một Thẩm phán.

- Quyết định miễn chấp hành hình phạt:

Miễn chấp hành hình phạt tù được quy định tại Điều 57 Bộ luật hình sự đối với những trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật nhưng chưa chấp hành hoặc đã chấp hành được một phần hình phạt thì có thể được Tòa án nhân dân xem xét cho miễn chấp hành hình phạt tù nếu đủ những điều kiện quy định. Theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

Tòa án có thẩm quyền xét miễn thời hạn cấm cư trú là Tòa án nhân dân tại địa phương cấm cư trú của người chấp hành án. Miễn chấp hành hình phạt là việc Tòa án có thẩm quyền ra quyết định không buộc người đã bị kết án phải chấp hành hình phạt mà Tòa án đã tuyên. Bởi lẽ, nơi cấm cư trú mới có quyền cho người bị kết án cư trú hay không. Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị cấm cư trú về cư trú, Cơ quan thi hành án hình sự của Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại.

Ngoài ra Tòa án có thẩm quyền ra quyết định xem xét miễn chấp hành hình phạt đối với hai hình phạt chính là phạt tiền, cải tạo không giam giữ và hình phạt bổ sung là quản chế.

Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá. Đối với người bị kết án về tội ít nghiêm trọng đã được hoãn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 61 Bộ luật hình sự, nếu trong thời gian được hoãn đã lập công, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có quyền quyết định miễn chấp hành hình phạt. Đối với người bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 Bộ luật hình sự, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ đã lập công, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có quyền quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại. Tòa án có quyền quyết định miễn chấp hành hình phạt tù trường hợp người bị kết án phạm tội nhẹ chỉ bị xử phạt tù từ 05 năm trở xuống mà vì bệnh tật, sinh con hoặc

hoàn cảnh quá khó khăn được tạm hoãn thi hành án nhiều lần, thời gian tạm hoãn đã bằng thời hiệu thi hành án mà trong thời gian đó, họ không phạm tội mới, không còn nguy hiểm cho xã hội. Theo quy định tại điểm C mục 3 Nghị quyết 32/1999/QH10 của Quốc hội thì không xử lý người thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự trước đây quy định là tội phạm nhưng Bộ luật hình sự này không quy định là tội phạm. Trong trường hợp người đó đã bị kết án và đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án, thì họ được Tòa án cho miễn chấp hành phần hình phạt còn lại. Nếu người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn thi hành án, thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

Điều 57 Bộ luật hình sự quy định Tòa án có quyền miễn đối với hình phạt cấm cư trú, không quy định về việc rút ngắn thời gian cấm cư trú tại một địa phương. Đối với người bị kết án mà khi có đủ kiện thì Tòa án có quyền miễn việc cấm cư trú, nghĩa là cho họ được tự do cư trú theo Hiến pháp và pháp luật quy định. Cũng cùng mang tính chất với việc miễn cấm cư trú thì luật quy định Tòa án nơi quản chế có quyền miễn thời gian quản chế đối với người bị kết án khi có đủ điều kiện. Người bị phạt cấm cư trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành hình phạt được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của chính quyền địa phương nơi người đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại và thẩm quyền do Hội đồng xét ra quyết định.

Lưu ý: “Việc giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành các hình phạt khác hoặc giảm thời gian thử thách thuộc thẩm quyền quyết định của Tòa án”[25]. Tuy nhiên, hình phạt khác ở đây không phải là tất cả các hình phạt mà “trừ hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân”[25], các hình phạt khác ở đây chỉ là các hình phạt có tính chất miễn, giảm. Bởi vì, các hình phạt như cảnh cáo, trục xuất, tử hình, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản pháp luật không quy định miễn, giảm.

- Quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo

“Án treo là biện pháp miễn chấp hành hạt tù có điều kiện được áp dụng đối với người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ mà xét thấy không cần phải chấp hành

hình phạt tù”[44, tr.343]. Người chấp hành án treo thì không phải chấp hành hình phạt tù mà điều kiện đặt ra cho người chấp hành án treo là phải chấp hành thời gian thử thách. Vì vậy, pháp luật quy định chặt chẽ đối với người chấp hành án treo, nếu trong thời gian thử thách mà phạm tội mới thì chuyển thời gian được hưởng án treo thành tù giam cộng với hình phạt của tội mới. Do vậy, trong thời gian thử thách, người chấp hành án treo phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, phải chịu sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị án cư trú. Từ những quy định trên pháp luật không quy định về việc miễn giảm việc chấp hành án treo mà pháp luật quy định việc rút ngắn thời gian thử thách của án treo nhằm mục đích tạo điều kiện, khuyến khích người chấp hành án treo chấp hành tốt trong thời gian thử thách. Pháp luật quy định thời gian thử thách bắt buộc đối với người bị kết án chấp hành án để đủ điều kiện bị án tự có ý thức rèn luyện, sửa chữa và cải tạo tốt. Việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người bị kết án thì việc chấp hành án kết thúc sớm hơn thời gian thử thách tuyên trong bản án hình sự.

Tòa án có quyền xem xét rút ngắn thời gian thử thách được ấn định trong án treo. “Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát và giáo dục, Tòa án có thể rút ngắn thời gian thử thách”[25]. Như vậy, người được hưởng án treo phải chấp hành được một phần hai thời gian thử thách, đây là điều kiện cần. Bên cạnh đó, người được hưởng án treo cần có điều kiện đủ là phải có nhiều tiến bộ, điều này phụ thuộc vào sự đánh giá của cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giám sát, giáo dục. Khi có đủ hai điều kiện trên thì cơ quan có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định để Tòa án xem xét, quyết định tiến hành rút ngắn thời gian thử thách cho người được hưởng án treo. Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền phân công Thẩm phán thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ do cơ quan quản lý người chấp hành án treo đề nghị, sau đó thành lập Hội đồng xét và có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân.

Thủ tục xét giảm thời gian thử thách cho người được hưởng án treo đã được quy định tại khoản 3 Điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự và được hướng dẫn cụ thể

như sau: “Một thành viên của Tòa án trình bày vấn đề cần được xem xét, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Tòa án ra quyết định chấp nhận hoặc bác đề nghị rút ngắn thời gian thử thách. Hội đồng xét giảm thời gian thử thách cho người được hưởng án treo có thể gồm ba Thẩm phán hoặc hai Thẩm phán và một Hội thẩm nhân dân”[33]. Chủ thể có thẩm quyền trong việc xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo là Hội đồng nêu trên, Thư ký ghi biên bản có thể là cán bộ thuộc bộ phận thi hành án hình sự hoặc Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.

2.2.1.3. Thẩm quyền ra các quyết định khác

- Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ án phí:

Khi có đơn xin miễn giảm nghĩa vụ thi hành án về án phí gửi cho cơ quan thi hành án dân sự đang thụ lý hoặc văn bản đề nghị xét miễn giảm của Viện kiểm sát nhân dân thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 58, khoản 3 Điều 76 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại tiểu mục 3.2 và 3.4 mục 3, tiểu mục 4.2 và 4.4 mục 4 phần I của Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp-Bộ Công an-Bộ Tài chính hoặc văn bản đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị miễn, giảm thi hành án cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kèm theo văn bản đề nghị Tòa án nhân dân xét miễn, giảm thi hành án. Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT ngày 17/6/2005 thì Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc trực tiếp đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp xét miễn, giảm thi hành án. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Viện kiểm sát phải xem xét và chuyển hồ sơ cho Tòa án cùng cấp kèm theo văn bản nêu rõ ý kiến của Viện kiểm sát về hồ sơ xin miễn giảm thi hành án và thông báo cho cơ quan Thi hành án dân sự biết. Cơ quan thi hành án dân sự đảm bảo điều kiện về hồ sơ và thủ tục xác minh điều kiện xin miễn, giảm.

Việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh. Tòa án phải thụ lý hồ sơ trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận

được hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án phí. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phải mở phiên họp xét miễn, giảm án phí. Phiên họp này do một Thẩm phán chủ trì, có sự tham dự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự đã đề nghị xét miễn, giảm. Khi tiến hành xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, đại diện cơ quan Thi hành án trình bày tóm tắt hồ sơ đề nghị miễn, giảm; đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về hồ sơ miễn, giảm. Trên cơ sở xem xét ý kiến của cơ quan thi hành án dân sự, của Viện kiểm sát và căn cứ vào hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm, Thẩm phán ra quyết định chấp nhận, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đề nghị miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án phí.

Tòa án có nhiệm vụ gửi quyết định cho người được xét miễn, giảm thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp, cơ quan thi hành án dân sự đã đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, Trại giam, Trại tạm giam nơi người được xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án đang chấp hành hình phạt tù.

Quyết định của Tòa án nhân dân về miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án nêu trên có thể bị Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kháng nghị. Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án phải có nhiệm vụ chuyển hồ sơ và văn bản kháng nghị đến Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp phải mở phiên họp để xét kháng nghị. Phiên họp này do một Thẩm phán chủ trì, có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Trong trường hợp cần thiết Tòa án yêu cầu đại diện cơ quan thi hành án dân sự đã lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm cùng tham dự. Thẩm phán chủ trì phiên họp ra quyết định giải quyết kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân. Quyết định này có hiệu lực thi hành. Trường hợp Viện kiểm sát rút kháng nghị trước hoặc trong phiên họp xét kháng nghị thì Tòa án có nhiệm vụ ra quyết định đình chỉ việc xét kháng nghị và quyết định xét miễn, giảm án phí của Tòa án nhân dân bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Từ đó cho thấy thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án về phần án phí là do cơ quan thi hành án dân sự ban hành nhưng cơ quan có thẩm quyền xét miễn, giảm lại là Tòa án nhân dân. Từ đó cho thấy thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong công tác này rất quan trọng, có quyền xem xét miễn, giảm án phí khi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án.

- Quyết định xóa án tích:

Xóa án tích là một chế định được quy định tại Chương IX Bộ luật hình sự và chương XXIX Bộ luật tố tụng hình sự. Theo quy định thì có hai hình thức xóa án tích, đó là “đương nhiên được xóa án tích” và “xóa án tích theo quyết định của Tòa án”.

Xóa án tích là việc xóa đi vết tích phạm tội của người bị kết án, làm cho người đó được coi như chưa bị kết án, họ có quyền được ghi trong lý lịch của mình là chưa có tiền án sau khi đã được Tòa án cấp giấy chứng nhận hoặc ra quyết định xóa án tích khi có đơn yêu cầu và kiểm tra đủ các điều kiện luật quy định. Có hai trường hợp, đương nhiên xóa án tích được áp dụng đối với những trường hợp quy định tại Điều 64 Bộ luật hình sự và xóa án tích do Tòa án quyết định. Xóa án tích do Tòa án quyết định là việc trên cơ sở xem xét những điều kiện được quy định tại Điều 65 và Điều 66 Bộ luật hình sự, ý kiến bằng văn bản của Viện kiểm sát nhân dân, đơn xin xóa án tích của người bị kết án, nhận xét của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc thì Tòa án có thể ra quyết định về việc xóa án tích hoặc ra quyết định bác đơn xin xóa án tích. Ngoài ra, Tòa án nhân dân có thẩm quyền còn ra quyết định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt: “trong trường hợp người bị kết án có những tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị thì có thể được Tòa án xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm ít nhất một phần ba thời hạn quy định”[25].

Sau khi đã nhận đơn xin xóa án tích và các tài liệu cần thiết kèm theo, Chánh án Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm kiểm tra các điều kiện để được xóa án tích.

Nếu thấy cần thiết phải xác minh tính đúng đắn của các tài liệu thì Tòa án áp dụng các biện pháp để xác minh, làm rõ. Khi đã xác định hồ sơ xin xóa án tích đã đầy đủ các điều kiện, Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để nghiên cứu và phát biểu ý kiến bằng văn bản. Trong thời hạn mười ngày, kể từ nhận được hồ sơ xin xóa án tích do Tòa án chuyển đến, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải có ý kiến bằng văn bản gửi kèm với hồ sơ xóa án tích cho Tòa án. Chánh án Tòa án nhân dân có quyền quyết định chấp nhận hoặc bác đơn xin xóa án tích của người bị kết án mà không lệ thuộc vào ý kiến đồng ý hay không đồng ý của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Quyết định xóa án tích phải được gửi cho người bị kết án có đơn xin án tích, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có đơn xin xóa án tích thường trú. Trong trường hợp bác đơn xin xóa án tích thì trong quyết định, Chánh án Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm phải nêu rõ lý do không chấp nhận xóa án tích. Quyết định xóa án tích có thể bị kháng nghị theo trình tự phúc thẩm hoặc trình tự giám đốc thẩm. Việc giải quyết kháng nghị quyết được thực hiện theo thủ tục chung.

Từ những quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân nêu trên thấy rằng Tòa án nhân dân nhiệm vụ, quyền hạn trong việc ra quyết định thi hành án hình sự đối với những trường hợp bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật. Cụ thể là bản án, quyết định đó đã áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình, hình phạt trục xuất, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo.

Riêng đối với các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có phần dân sự trong vụ án hình sự, về án phí thì kể cả trường hợp Tòa án phải ra quyết định hoặc không phải ra quyết định thi hành án hình sự đều do cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành.

Đối với các bản án, quyết định có áp dụng các hình phạt bổ sung như: quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, tước một số quyền công dân nên khi Tòa án nhân dân ra quyết định thi hành bản

án, quyết định thì đồng thời cũng là quyết định thi hành các hình phạt bổ sung nếu có. Việc thi hành các hình phạt bổ sung nói trên thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc. Đối với hình phạt trục xuất do cơ quan Công an thực hiện theo quyết định thi hành án hình sự của Tòa án nhân dân.

Ngoài ra, Tòa án còn ban hành quyết định thi hành án đối với hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ hay cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính.

2.2.2 Những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

Ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII (kỳ họp thứ 10) thông qua Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 và Nghị quyết số 110/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật tố tụng hình sự. Ngày 09 tháng 12 năm 2015, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Lệnh số 35/2015/L-CTN công bố Bộ luật tố tụng hình sự và Lệnh số 36/2015/L-CTN công bố Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đến nay chưa có hiệu lực thi hành.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có kết cấu gồm 09 Phần, 36 Chương, 510 Điều. Tại phần thứ năm quy định về thi hành bản án, quyết định của Tòa án gồm 02 Chương, 07 Điều (từ Điều 363 đến Điều 369) quy định về bản án, quyết định của Tòa án được thi hành ngay; thẩm quyền và thủ tục ra quyết định thi hành án; giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của Tòa án; và giải quyết kiến nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án và một số thủ tục về thi hành án tử hình, xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích. So sánh với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì đã giảm 10 Điều (bỏ các điều luật quy định về: cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành án bản án và quyết định của Tòa án; thi hành các hình phạt cụ thể, bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung; hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù).

Quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự đã có bước cải tiến về kỹ thuật lập pháp. Nếu như Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (từ Điều 255 đến Điều 271) chỉ quy định chung về thủ tục đưa ra thi hành bản án và quyết định của Tòa án; cơ quan tổ chức có nhiệm vụ thi hành bản án và quyết định của Tòa án; thủ tục thi hành hình phạt tử hình; thi hành hình phạt tù và các hình phạt khác; giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt; xóa án tích thì Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ hơn về thẩm quyền của Tòa án trong thi hành án hình sự. Đối với các quy định về trình tự thủ tục thi hành án hình sự thì do Luật chuyên ngành điều chỉnh như Luật Thi hành án hình sự, Luật tạm giữ, tạm giam.

Một số điểm mới cụ thể như sau:

- Trước đây Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 không quy định thi hành hình phạt cảnh cáo nên thực hiện không thống nhất trên thực tiễn nên đã bổ sung quy định mới về việc thi hành hình phạt cảnh cáo: “Hình phạt cảnh cáo được thi hành ngay tại phiên tòa”[26]. Mặc dù sau đó bản án, quyết định vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bổ sung quy định mới về việc giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của Tòa án: Thực tiễn những năm qua cho thấy khá nhiều bản án, quyết định của Tòa án có nội dung không rõ, dẫn đến công tác thi hành án gặp nhiều khó khăn, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân chưa được bảo vệ kịp thời, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật, tuy nhiên, vẫn còn thiếu những quy định để khắc phục thiếu sót này. Vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung điều luật mới quy định việc giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của Tòa án, theo đó: Chủ thể có quyền giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của Tòa án là “Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã ra bản án, quyết định có trách nhiệm giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thể thực hiện được thì việc giải thích, sửa chữa do Chánh án Tòa án đã ra bản án, quyết định đó thực hiện”[26].

- Bổ sung quy định mới về trách nhiệm, thời hạn trả lời kiến nghị của cơ

quan thi hành án về việc xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm: Để góp phần phát hiện và khắc phục sớm những thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng trong bản án, quyết định của Tòa án, đồng thời tăng cường vai trò của các cơ quan thi hành án nên Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định mới về trách nhiệm và thời hạn trả lời kiến nghị xem xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, theo đó: Cơ quan có quyền kiến nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự. Thời hạn trả lời kiến nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là “90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 120 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị”[26].

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành: Nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế xem xét, quyết định việc kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với bản án tử hình, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định về trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể sau khi Tòa án nhân dân tối cao đã xem xét hồ sơ vụ án để quyết định kháng nghị hoặc quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, “Tòa án nhân dân tối cao phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án và phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tối cao”[26].

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân: Quán triệt chủ trương cải cách tư pháp của Đảng về hạn chế hình phạt tử hình, trên cơ sở kế thừa quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 3, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015 đã quy định theo hướng mở rộng thêm 02 trường hợp không thi hành án tử hình, theo đó không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp: (a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; (b) Người đủ 75 tuổi trở lên; (c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít

nhất $\frac{3}{4}$ tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn. Nhằm bảo đảm sự thống nhất với Bộ luật hình sự năm 1999, kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và sắp xếp lại vị trí của điều khoản cho hợp lý, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bổ sung quy định về thẩm quyền, thủ tục xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án. Theo đó, khi có căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 40 Bộ luật hình sự thì “Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án tử hình và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án”[26].

- Điều 368 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định mới về thủ tục xét tha tù trước thời hạn có điều kiện: Tha tù trước hạn có điều kiện thực chất là cho người đang chấp hành án phạt tù tại cơ sở giam, giữ được tiếp tục chấp hành án tại cộng đồng xã hội và họ phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù; điều kiện để áp dụng chế định này được quy định rất chặt chẽ, như: phạm tội lần đầu; có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lên; có nơi cư trú rõ ràng; đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, án phí và nghĩa vụ bồi thường dân sự; đã chấp hành được một thời hạn phạt tù nhất định tùy theo loại tội mà họ bị kết án...và một số điều kiện khác theo quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 66 Bộ luật hình sự năm 2015.

Nếu vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt hành chính 02 lần trở lên thì có thể bị buộc phải trở lại cơ sở giam giữ để tiếp tục chấp hành án; nếu thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì người đó bị buộc chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước; nếu có nhiều tiến bộ thì có thể được rút ngắn thời gian thử thách quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 66 Bộ luật hình sự năm 2015.

Để phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định về thủ tục xét tha tù trước hạn có điều kiện, theo

đó:

+ Về thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị: Trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an; trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn và chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người chấp hành án đang chấp hành án phạt tù.

+ Về thủ tục: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Viện kiểm sát phải ra văn bản thể hiện quan điểm về đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện; Chánh án Tòa án phải mở phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu cơ quan lập hồ sơ bổ sung tài liệu, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung tài liệu và gửi cho Viện kiểm sát, Tòa án.

+ Về Hội đồng xét tha tù trước thời hạn có điều kiện gồm: Chánh án và 02 Thẩm phán, do Chánh án làm Chủ tịch Hội đồng. Tại phiên họp, một thành viên của Hội đồng trình bày tóm tắt hồ sơ đề nghị. Kiểm sát viên trình bày quan điểm về đề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện và việc tuân theo pháp luật trong việc xét, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Phiên họp phải được lập thành biên bản với những nội dung theo luật định; sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên xem biên bản phiên họp, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp; Chánh án phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, Tòa án phải gửi quyết định cho phạm nhân, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cấp quân khu, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở. Ngay sau khi nhận được quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ sở giam giữ phải tổ chức công bố quyết định này và thực hiện các thủ tục thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

+ Về xử lý vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trường hợp người được tha tù trước thời hạn vi phạm các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Bộ luật hình sự, thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn phải lập hồ sơ chuyển đến Viện kiểm sát và Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện để xem xét, hủy quyết định đã ban hành.

+ Về việc kháng nghị, khiếu nại: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị, phạm nhân có quyền khiếu nại đối với quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại Chương XXII và Chương XXXIII của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục xóa án tích:

+ Đã có sự thay đổi chủ thể có thẩm quyền xác nhận việc đương nhiên xóa án tích, theo đó cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp là họ không có án tích nếu có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó thẩm quyền cấp này thuộc về cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thay vì Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án như quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Riêng đối với các trường hợp xóa án tích theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật hình sự năm 2015 đều do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định.

+ Để thủ tục xóa án tích cho người bị kết án, để phù hợp với quy định Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Về thủ tục đương nhiên được xóa án tích: bổ sung quy định “trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp là họ không có án tích”[26] và nội dung này cũng được cập nhật trong lý lịch tư pháp của người đó.

Về thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án: bổ sung quy định thời hạn cụ thể để Tòa án, Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét, giải quyết đơn xin xóa án

tích của người bị kết án, theo đó “trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận đơn của người bị kết án, Tòa án đã xét xử sơ thẩm chuyển tài liệu về việc xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Tòa án chuyển đến, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản và chuyển lại tài liệu cho Tòa án. Nếu xét thấy đủ điều kiện thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Viện kiểm sát chuyển đến, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định xóa án tích; trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích”[26]. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định Tòa án phải gửi quyết định cho người bị kết án và các cơ quan có liên quan theo quy định.

2.2.3. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự theo Luật thi hành án hình sự

Trước yêu cầu mới của thực tiễn, hướng đến mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật về thi hành án hình sự đã bộc lộ những hạn chế, nhiều quy định không còn phù hợp, chưa đồng bộ với quy định có liên quan đến công tác thi hành án hình sự trong một số đạo luật như Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Luật Công an nhân dân... Những tồn tại, hạn chế của pháp luật làm cho hoạt động thi hành án hình sự gặp nhiều bất cập, vướng mắc, các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực thi hành án hình sự mới chỉ quan tâm nhiều đến thi hành hình phạt tù, tử hình, trục xuất mà chưa quan tâm đúng mức đến việc thi hành các hình phạt khác; chưa có tổ chức bộ máy chuyên trách quản lý thống nhất việc thi hành án hình sự... Tình hình nêu trên đặt ra yêu cầu hoàn thiện một bước pháp luật về thi hành án hình sự, theo đó việc xây dựng, ban hành Luật thi hành án hình sự để cụ thể hóa quy trình, quy định, thẩm quyền của các chủ thể thi hành án hình sự nên việc ban hành Luật Thi hành án hình sự là yêu cầu tất yếu nhằm tạo lập một cơ chế hữu hiệu đảm bảo thực thi có hiệu quả các bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật, là cơ sở pháp lý để các chủ thể thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình từ giai đoạn ban hành quyết định thi hành án đến việc kiểm tra, giám sát, chấp hành hình phạt, xét miễn, giảm đúng theo quy

định của pháp luật. Sự liên kết, quy định thẩm quyền rõ ràng giữa các chủ thể có nhiệm vụ, quyền hạn thi hành án hình sự nhằm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhằm mang lại hiệu quả thi hành án hình sự trên thực tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện công tác thi hành án hình sự, góp phần quan trọng trong công cuộc cải cách tư pháp. Bên cạnh đó Luật thi hành án hình sự được ban hành đánh dấu bước phát triển quan trọng trong hoạt động lập pháp của Nhà nước ta nói chung, trong lĩnh vực thi hành án hình sự nói riêng, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước ta đối với người chấp hành án, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính cũng như bảo đảm tốt hơn quyền tự do, dân chủ của công dân. Luật Thi hành án hình sự là cơ sở pháp lý bảo đảm cho tính thống nhất của chính sách hình sự, các nguyên tắc thi hành hình phạt, có như vậy mới bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Sự ra đời của Luật thi hành án hình sự là cơ sở cho việc tổ chức, xây dựng một hệ thống bộ máy thi hành hình phạt, tránh được tình trạng tổ chức phân tán, quy định chức năng thẩm quyền không rõ ràng của các cơ quan có nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành án hình sự. Luật quy định rõ quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức xã hội trong việc giám sát, kiểm tra công tác thi hành án hình sự.

Luật thi hành án hình sự số 53/2012/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 có hiệu lực vào ngày 07/11/2011, được xây dựng trên nền tảng Hiệp pháp nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10. Luật thi hành án hình sự gồm 15 Chương và 182 Điều đã có những quy định cụ thể hơn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân như ra quyết định thi hành án, quyết định thành lập hội đồng thi hành án tử hình, ra quyết định hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, đình chỉ chấp hành án, ra quyết định miễn thi hành án, giảm thời hạn chấp hành án, quyết định kéo dài thời hạn trực xuất, quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, xem xét giải quyết việc cho nhận tử thi của người chấp hành án tử hình, gửi bản án, quyết định được thi hành và các quyết định đã ban hành trong thi hành án, gửi tài

liệu liên quan cho cơ quan tổ chức cá nhân theo quy định, thực hiện chế độ thống kê báo cáo về thi hành án hình sự...

Luật thi hành án hình sự có một phần quy định lại những vấn đề được quy định tại phần thứ 5 Chương XXV của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và cụ thể những vấn đề về thi hành án hình sự. Tại Điều 2 Luật thi hành án hình sự đã bổ sung thêm việc giải thích thi hành án tại Điều 255 Bộ luật tố tụng hình sự như thi hành bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và quyết định của Tòa án Việt Nam tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam chấp hành án và đã có quyết định thi hành, quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài và ra quyết định thi hành những bản án, quyết định về áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng. Luật thi hành án hình sự quy định về sự phối hợp, giám sát trong công tác thi hành án, nghiêm cấm những hành vi trong thi hành án, quy định về tổ chức thi hành án hình sự.

Một số thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân theo Luật thi hành án hình sự như sau: “Ra quyết định thi hành án; quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình. Ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành hình phạt tù; miễn, giảm thời hạn chấp hành án; kéo dài thời hạn trục xuất, rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo. Xem xét, giải quyết việc cho nhận tử thi của người chấp hành án tử hình”[28]. Ngoài ra, còn quy định trách nhiệm về gửi bản án, quyết định được thi hành án cho cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Một số thẩm quyền cụ thể của Tòa án nhân dân theo Luật thi hành án hình sự như sau:

+ Hoãn chấp hành hình phạt tù: “Đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của người bị kết án, văn bản đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ

quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án làm việc ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù... Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải xem xét, quyết định”[28]. Trong thời gian được hoãn chấp hành án mà người bị kết án có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có căn cứ bỏ trốn thì trên cơ sở đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn ra quyết định hủy bỏ quyết định đó. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù mà người được hoãn chấp hành án chết thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thông báo cho Tòa án biết để ra quyết định đình chỉ thi hành án. Về thời hạn giao quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù thì “Chậm nhất là 07 ngày trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù phải thông báo bằng văn bản và gửi ngay thông báo đó cho người chấp hành án, cơ quan được quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này”[28]. Khi đã tiếp nhận người chấp hành án thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án biết.

+ Tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù: Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền về tạm đình chỉ thi hành án phạt tù thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị “Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh ... nơi phạm nhân đang chấp hành án phải xem xét quyết định”[28]. Trường hợp hoãn thi hành án theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm thì do “người đã kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định”[28]. Ngay sau khi có quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định cho cá nhân, cơ quan tổ chức theo quy định. Nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà người được tạm đình chỉ có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có căn cứ có thể bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thông báo cho Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ biết để ra quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ thi hành án. Đối với trường hợp người được tạm đình chỉ chết thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thông báo cho Tòa án đã ra

quyết định tạm đình chỉ và Tòa án đã ra quyết định thi hành án biết, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, “Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án”[28].

+ Giảm thời hạn chấp hành án phạt tù: Căn cứ hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thì “Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi phạm nhân phải mở phiên họp xét giảm và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp”[28]. Nếu cần phải bổ sung hồ sơ thì thời hạn mở phiên họp tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung. Sau khi ra quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định.

+ Miễn chấp hành án phạt tù: Căn cứ hồ sơ đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù của Viện kiểm sát có thẩm quyền nơi người chấp hành án phạt tù đang cư trú hoặc làm việc, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thì “Tòa án có thẩm quyền phải mở phiên họp xét miễn và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp”[28]. Nếu cần phải bổ sung hồ sơ thì thời hạn mở phiên họp tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung. Sau khi ra quyết định miễn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định.

+ Trường hợp phạm nhân chết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo phạm nhân chết, “Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ chấp hành án phạt tù”[28]. Sau khi ra quyết định miễn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định cho thân nhân phạm nhân chết và tổ chức có liên quan theo quy định.

+ Thi hành án tử hình: “Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án tử hình”[28]. Nội dung, hình thức và gửi quyết định thi hành án theo quy định. Ngay khi có quyết định thi hành án tử hình Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có văn bản yêu cầu Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành

án tử hình. “Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình do Chánh án hoặc Phó chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án làm Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình”[28]. Hội đồng thi hành án tử hình có nhiệm vụ, quyền hạn như: quyết định kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành án; ra quyết định hoãn thi hành án và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án khi người bị kết án không đủ điều kiện để thi hành án. Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình có quyền triệu tập cuộc họp, công bố các quyết định có liên quan. Trường hợp hoãn thi hành án tử hình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật thi hành án hình sự mà lý do hoãn không còn thì Chánh án Tòa án ra quyết định thi hành án yêu cầu Hội đồng thi hành án tiếp tục thực hiện việc thi hành án. Trường hợp có sự thay đổi thành viên Hội đồng thi Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án quyết định bổ sung thành viên Hội đồng hoặc thành lập Hội đồng thi hành án. Hội đồng thi hành án tử hình tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Đối với giải quyết nhận tử thi: Trước khi thi hành án tử hình, thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người chấp hành án làm đơn xin nhận tử thi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đối với người nước ngoài thì có xác nhận của cơ quan ngoại giao có thẩm quyền gửi Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm. “Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm thông báo bằng văn bản cho người có đơn đề nghị về việc cho nhận tử thi hoặc không cho nhận tử thi...Trường hợp người chấp hành án là người nước ngoài thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ ngoại giao Việt Nam..”[28].

Ngoài ra Luật thi hành án hình sự còn quy định một số thẩm quyền của Tòa án như: hình phạt cảnh cáo (Điều 71); hình phạt trục xuất (Điều 96); quyết định áp dụng biện pháp tư pháp (Điều 110); biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (Điều 124, Điều 125).

Luật thi hành án hình sự không quy định Thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết khiếu nại trong công tác thi hành án hình sự. Nếu có khiếu nại xảy ra thì thực tế Chánh án Tòa án giải quyết khiếu nại theo quy định Luật khiếu nại, tố cáo.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ Ở TỈNH LONG AN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

3.1. Thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự ở tỉnh Long An

Trong thời gian 05 năm (từ năm 2010 đến năm 2015) toàn hệ thống Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Long An đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án hình sự như sau [39]:

3.1.1. Thực tiễn ra các quyết định về thi hành án hình sự

3.1.1.1. Kết quả ra quyết định thi hành án hình sự

- Năm 2010 đã ra quyết định thi hành án hình sự là 1.318 quyết định. Trong đó ra 1.095 quyết định thi hành hình phạt tù; 221 quyết định không phải là hình phạt tù; 02 quyết định thi hành án tử hình;

- Năm 2011 đã ra quyết định thi hành án hình sự là 1.624 quyết định. Trong đó đã ra 1.185 quyết định thi hành hình phạt tù; 439 quyết định không phải là hình phạt tù;

- Năm 2012 đã ra quyết định thi hành án hình sự là 1.527 quyết định. Trong đó ra 1.221 quyết định thi hành hình phạt tù; 306 quyết định không phải là hình phạt tù;

- Năm 2013 đã ra quyết định thi hành án hình sự là 1.563 quyết định. Trong đó ra 1.247 quyết định thi hành hình phạt tù; 316 quyết định không phải là hình phạt tù;

- Năm 2014 đã ra quyết định thi hành án hình sự là 1.707 quyết định. Trong đó ra 1.406 quyết định thi hành hình phạt tù; 301 quyết định không phải là hình phạt tù;

- Năm 2015 đã ra quyết định thi hành án hình sự là 1.883 quyết định. Trong đó ra 1.566 quyết định thi hành hình phạt tù; 327 quyết định không phải là hình phạt tù.

3.1.1.2. Kết quả thực hiện các thẩm quyền khác trong thi hành án hình sự

- Năm 2010: đã ra 115 quyết định ủy thác thi hành án; 07 quyết định hoãn thi hành án; 01 quyết định đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 07 quyết định miễn chấp hành hình phạt; 1.468 trường hợp được xét giảm án và 10 trường hợp được đặc xá.

- Năm 2011: đã ra 157 quyết định ủy thác thi hành án; 10 quyết định hoãn thi hành án; 01 quyết định đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 01 quyết định miễn chấp hành hình phạt; 04 quyết định tạm đình chỉ thi hành án; 1.185 trường hợp được xét giảm án và 07 trường hợp được đặc xá.

- Năm 2012: đã ra 21 quyết định ủy thác thi hành án; 07 quyết định hoãn thi hành án; 08 quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 1.315 trường hợp được xét giảm án.

- Năm 2013: đã ra 47 quyết định ủy thác thi hành án; 06 quyết định hoãn thi hành án; 03 quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 1.402 trường hợp được xét giảm án.

- Năm 2014: đã ra 157 quyết định ủy thác thi hành án, 09 quyết định hoãn thi hành án; 09 quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 03 trường hợp rút ngắn thời gian thử thách án treo; 1.698 trường hợp được xét giảm án.

- Năm 2015: đã ra 50 quyết định ủy thác thi hành án, 25 quyết định hoãn thi hành án; 01 quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 03 trường hợp rút ngắn thời gian thử thách án treo; 1.536 trường hợp được xét giảm án; xét giảm và tha tù trước thời hạn 335 trường hợp.

3.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thi hành án

Qua số liệu thống kê nêu trên và kết quả thực tiễn trong các báo cáo tổng kết công tác hằng năm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhìn chung trong 05 năm qua, số lượng quyết định về thi hành án hình sự, quyết định thi hành hình phạt và thực hiện các thẩm quyền khác trong thi hành án hình sự của hệ thống Tòa án nhân

dân 02 cấp tỉnh Long An ngày càng tăng. Qua công tác kiểm tra về thi hành án hình sự thực tiễn vẫn còn một số sai sót trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự chủ yếu như sau:

Việc ra quyết định thi hành hình phạt tù không đúng thời hạn theo quy định của Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự ngoài do nguyên nhân chủ quan thì có những nguyên nhân khách quan sau: Trong thực tiễn, bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm hoặc quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm thường gửi không đáp ứng được quy định của pháp luật. Việc giao nhận bản án, quyết định thường rất chậm dẫn đến Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm không đảm bảo thời hạn giao bản án, quyết định trong thời hạn mười ngày đối với Tòa án cấp phúc thẩm giám đốc thẩm cấp tỉnh, giám đốc thẩm, tái thẩm ở Tòa án nhân dân tối cao và 25 ngày đối với Tòa án cấp phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao. Việc ra quyết định thi hành án hình sự đúng thời hạn còn phụ thuộc vào việc nhận bản án phúc thẩm, quyết định tái thẩm, giám đốc thẩm nên thực tế việc ra quyết định thi hành án hình sự trong các trường hợp này thường bị chậm trễ.

Tòa án chỉ ra quyết định thi hành án khi có các căn cứ quy định tại Điều 255, 240 và 237 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thực tiễn đã xảy ra một số trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định thi hành án trong khi bản án, quyết định đang bị kháng cáo, kháng nghị quá hạn. Trong trường hợp kháng cáo, kháng nghị quá thời hạn thì phải chờ quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm về việc có chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị quá hạn.

Khi Tòa án không tổng đạt được quyết định thi hành án hình phạt tù cho người bị kết án đang tại ngoại thì lại quên không thực hiện thủ tục đề nghị Công an ra quyết định truy nã. Từ đó người bị kết án vẫn tại ngoại, chưa chấp hành án. Khi phát hiện ra thì thời hiệu thi hành án đã hết theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự.

Không tổng đạt quyết định thi hành án hình phạt tù cho người bị kết án đang bị tạm giam trong vụ án hình sự khác ở địa phương khác. Từ đó dẫn đến người bị

kết án chấp hành xong hình phạt tù của bản án mà Tòa án nhân dân đã xét xử sau mà chưa chấp hành hình phạt tù của bản án mà Tòa án đã xét xử trước.

Việc cho người bị kết án hoãn chấp hành hình phạt tù không đủ điều kiện được hoãn chấp hành án theo quy định của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như: phải là lao động duy nhất trong gia đình, nếu là bệnh hiểm nghèo thì phải trong danh mục và có kết luận của Bệnh viện cấp tỉnh trở lên...

Trong trường hợp hoãn thi hành án: Theo quy định của pháp luật thì Tòa án có nhiệm vụ gửi quyết định hoãn cho bị án và Viện kiểm sát, Công an cùng cấp. Nếu hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án ra thông báo cho bị án tiếp tục thi hành án nếu người bị kết án không có mặt tại cơ quan Công an, không có lý do chính đáng thì cơ quan Công an phải áp giải người đó đi chấp hành hình phạt tù. Trong khi pháp luật chưa có quy định cụ thể lý do chính đáng là những lý do gì nên tạo sự tùy nghi của cơ quan có thẩm quyền áp dụng. Do đó, khi có lý do mà cơ quan Công an cho là chính đáng thì sẽ không thực hiện việc áp giải người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù và nếu kéo dài có thể dẫn tới hết thời hiệu thi hành án hình sự điều này sẽ dẫn đến khó khăn cho Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ của mình.

Đối với tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù: Trên thực tiễn Chánh án không thể theo dõi được việc trên và chính quyền địa phương cũng không quan tâm đến việc báo cáo tình trạng sức khỏe của bị án. Thực tế khi xem xét điều kiện cho tạm đình chỉ thời hạn là bao nhiêu và cán bộ phụ trách công tác thi hành án có nhiệm vụ theo dõi nếu hết thời hạn tạm đình chỉ thì Chánh án ký thông báo về việc tiếp tục thi hành án để yêu cầu bị án tiếp tục thi hành án. Trường hợp người bị kết án chết trong giai đoạn tạm đình chỉ thi hành án thì gia đình của bị án hoặc chính quyền phường, xã, thị trấn được giao quản lý người được tạm đình chỉ thi hành án phải báo cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ và Chánh án Tòa án nơi người bị kết án cư trú biết. Tuy nhiên, ít khi gia đình của người bị kết án hay chính quyền phường, xã, thị trấn báo về trường hợp người bị kết án chết nên cần phải mời gia

đình của người bị kết án đến để cho biết về tình trạng bệnh của bị án nếu bị án đã chết thì yêu cầu gia đình bị án nộp giấy chứng tử để làm cơ sở báo cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ biết. Trường hợp Chánh án Tòa án nơi người bị kết án cư trú cũng là Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành hình phạt tù thì sẽ thuận lợi trong việc ra quyết định đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Về giảm thời hạn chấp hành hình phạt: Thực tiễn Tòa án xét giảm thi hành án căn cứ trên hồ sơ đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự là trại giam do Bộ Công an quản lý, đề nghị bằng phiếu xét giảm, hồ sơ cải tạo giam giữ thì không được gửi chi tiết, nên Tòa án xét giảm theo sự đề nghị chủ quan của cơ quan thi hành án hình sự. Theo quan điểm của chúng tôi thì điều này không phù hợp, nguyên nhân do thi hành án hình sự do nhiều cơ quan thi hành. Chính vì vậy việc xét giảm ít nhiều sẽ không đảm bảo được tính khách quan.

Việc theo dõi và quản lý phạm nhân còn kém hiệu quả. Trên thực tế đã tồn tại tình trạng là sau khi ra quyết định thi hành án phạt tù, Tòa án hoàn toàn không thể biết rõ được phạm nhân được đưa đi cải tạo ở đâu, bởi vì trên cơ sở tiếp nhận bị án, cơ quan thi hành án của Bộ Công an lập danh sách bị án, ra quyết định đưa họ đi cải tạo tại các trại cải tạo do mình quản lý trên cả nước, đến khi thực hiện thủ tục xét giảm án, tha tù. Theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên ngành số 04-89/TTLN ngày 15/8/1989 giữa Tòa án nhân dân tối cao-Kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ nội vụ thì việc xét giảm thời hạn thi hành án do Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người bị kết án chấp hành hình phạt tù căn cứ vào hồ sơ đề nghị của Trại quản lý và cải tạo phạm nhân, mà có thể Tòa án, Viện kiểm sát nơi này hoàn toàn không thể biết được bị án này đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ khác do Tòa án nơi đã tuyên án hoặc ra quyết định thi hành án, đồng thời luật cũng không quy định gửi bản sao quyết định giảm án, tha tù cho các Tòa án, Viện kiểm sát nơi này biết.

Tòa án nhân dân tối cao cần quy định về trình tự thủ tục xét giảm thi hành án, quy định biểu mẫu và quy định thẩm quyền của Tòa án được quyền xác minh kiểm tra thực tế những trường hợp được đề nghị xét giảm. Từ đó làm cho công tác xét

giảm được chặt chẽ, chính xác và đúng quy định của pháp luật, tránh tình trạng xét giảm thiếu khách quan, chưa đảm bảo công bằng.

Pháp luật quy định Tòa án nơi bị án chấp hành án có quyền xét giảm thi hành án vì chỉ có Tòa án nơi bị án chấp hành án mới biết rõ quá trình cải tạo của bị án và vấn đề kiểm sát trong thi hành án hình sự của Viện kiểm sát nơi bị án chấp hành cũng như công bố quyết định chấp nhận giảm án được thuận tiện hơn. Tòa án ra quyết định giảm thi hành án hình sự có nghĩa vụ gửi quyết định cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình sự để theo dõi lưu hồ sơ thi hành án hình sự. Nếu Tòa án ra quyết định thi hành án hình sự cũng là Tòa án nơi bị án chấp hành án và ra quyết định xét giảm án thì điều kiện theo dõi thi hành án sẽ đảm bảo hơn. Tuy nhiên, thực tế Tòa án không thể biết rõ bị án chấp hành án như thế nào, đây là điều không phù hợp vì đơn vị có thẩm quyền ra quyết định giảm án hoàn toàn không được quy định về việc theo dõi bị án trong quá trình thi hành án hay nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án về việc chấp hành án của bị án. Đồng thời nếu bị án có sự thay đổi nơi chấp hành án thì sẽ dẫn đến khó khăn hơn việc theo dõi về thi hành án hình sự. Từ những bất cập trên dẫn đến Tòa án ra quyết định thi hành án hoàn toàn không biết được quá trình bị án chấp hành án như thế nào, được xét giảm mấy lần và xét giảm như thế nào hay đã hoàn thành việc chấp hành án hay chưa. Không biết được quyết định thi hành án Tòa án đã ban hành được thực hiện đến mức độ nào, điều này thể hiện sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình quản lý công tác thi hành án hình sự chưa được nhịp nhàng do chưa có quy định, ràng buộc trách nhiệm.

Trong việc ra quyết định miễn chấp hành hình phạt: Miễn là việc không buộc người chấp hành hình phạt đã tuyên phải thi hành án. Cơ quan thi hành hình phạt tù lập hồ sơ miễn và phải có đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp. Pháp luật quy định người đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú hoặc quản chế nếu họ chưa chấp hành hình phạt nếu có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 57 của Bộ luật hình sự thì được Tòa án xem xét miễn chấp hành toàn bộ hình phạt. Pháp luật quy định miễn chấp hành hình phạt

trong trường hợp tạm đình chỉ thi hành án, miễn chấp hành một phần tiền phạt còn lại theo quy định. Ngoài ra, còn có trường hợp miễn chấp hành hình phạt do bản án hết thời hiệu thi hành. Tuy nhiên, pháp luật chưa có sự quy định cụ thể vì tùy theo loại tội phạm có tính chất nguy hiểm khác nhau. Đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình,...được quy định tại chương XI và chương XXIV của Bộ luật hình sự năm 2009 thì không áp dụng thời hiệu thi hành án.

Tòa án xét miễn đối với người bị kết án chưa chấp hành phần nào về hình phạt do đó điều kiện xét miễn là chặt chẽ và lý do miễn đúng quy định của pháp luật. Như người bị kết án lập công lớn và mắc bệnh hiểm nghèo, hình phạt không còn nguy hiểm cho xã hội, hình phạt Tòa án tuyên là cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn,...Tuy nhiên, tiêu chí nào là lập công lớn và không còn nguy hiểm cho xã hội thì pháp luật chưa quy định cụ thể và hiện nay không có một tiêu chí nào để làm cơ sở pháp lý vững chắc để xác định và cơ quan nào có thẩm quyền trong việc xác định tiêu chí trên. Do vậy, cần có quy định căn cứ để xem là hành vi đó không còn nguy hiểm cho xã hội hay như thế nào là lập công lớn. Trong quá trình thực hiện, Tòa án dùng cụm từ tha tù trước hạn hay miễn chấp hành hình phạt (trường hợp bị án đã chấp hành một phần hình phạt) nhưng bản chất đúng nghĩa là giảm chấp hành hình phạt tù và thời gian chấp hành hình phạt đã xong vì miễn chỉ áp dụng trong trường hợp người chấp hành án chưa chấp hành hay đang được tạm đình chỉ chấp hành. Bên cạnh đó, Viện kiểm sát có thẩm quyền trong việc giám sát thi hành án nhưng pháp luật không quy định Viện kiểm sát có nghĩa vụ báo cáo kết quả giám sát để Tòa án làm cơ sở cho việc xét miễn hay giảm. Do vậy, Tòa án xét miễn cũng giảm thì hoàn toàn mang tính chủ quan trên cơ sở hồ sơ của cơ quan quản lý thi hành án hình sự đã xây dựng. Theo quan điểm cá nhân tôi cần có sự quy định cụ thể hơn vai trò của cơ quan quản lý thi hành án hình sự đối với cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thi hành án hình sự.

Đối với thi hành án treo, cải tạo không giam giữ: Trường hợp bị án chỉ có một địa chỉ thường trú duy nhất và được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ. Đến giai đoạn thi hành án thì bị án đã bỏ địa phương mà không rõ nơi cư trú mới nên không

thể tổng đạt quyết định thi hành án được và cũng không thể ủy thác thi hành án mà cũng không thể yêu cầu truy nã được nên dẫn đến bị án không thi hành án. Pháp luật chưa quy định xử lý trường hợp này thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức nào.

Bên cạnh đó theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự thì Tòa án nhân dân phải thực hiện rất nhiều công việc: từ việc lập hồ sơ, ra các loại quyết định thi hành án hình sự, nhận ủy thác thi hành án hình sự Tòa án khác chuyển đến, gửi quyết định cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan... rất mất nhiều thời gian, trong khi bộ máy thực hiện công tác này quá ít, cấp tỉnh có 02 cán bộ, cấp huyện có 01 Thư ký vừa làm nhiệm vụ Thư ký Tòa án lại kiêm nhiệm công tác thi hành án hình sự để tham mưu, giúp việc cho Chánh án. Các cán bộ phụ trách công tác thi hành án hình sự từ trước đến nay chưa được Tòa án nhân dân tối cao tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ thi hành án hình sự. Hằng năm đối với Tòa án tỉnh Long An phải nghiên cứu, xem xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho hàng ngàn phạm nhân tại 02 Trại giam thuộc Tổng cục VIII-Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh Long An là Trại giam Thạnh Hòa và Trại giam Long Hòa, điều này cũng đã gây áp lực lớn cho các cán bộ phụ trách công tác thi hành án hình sự tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

3.2. Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

3.2.1. Những bất cập, hạn chế

Thi hành án hình sự là một quá trình không thể thiếu trong việc đưa bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật được thực thi. Tuy nhiên, việc pháp luật hiện hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong công tác thi hành án hình sự ở nước ta còn nhiều bất cập, chưa hợp lý với tiến trình cải cách tư pháp và chức năng của Tòa án nhân dân. Hiến pháp, Luật tổ chức Tòa án nhân dân nước ta quy định Tòa án là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử, ngoài chức năng xét xử thì pháp luật nước ta không quy định chức năng khác của Tòa án. Như vậy, hoạt động của Tòa án là hoạt động xét xử và giải quyết những vấn đề khác liên quan trực tiếp tới phán quyết của Tòa án trong xét xử vụ án.

Bên cạnh đó là một giai đoạn của tố tụng hình sự, hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân bắt đầu từ khi nhận hồ sơ vụ án hình sự theo Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân và kết thúc khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành. Như vậy, xét về mặt lý luận kể từ khi bản án, quyết định hình sự của Tòa án có hiệu lực thi hành thì Tòa án không còn có thẩm quyền về các hoạt động trực tiếp để thi hành án quyết định đó. Tuy nhiên, quá trình tố tụng có thể được hủy bỏ và phục hồi lại bằng quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án có thẩm quyền. Việc giao cho Tòa án nhân dân một phần chức năng trực tiếp thi hành án sẽ có tác động nhất định đến phán quyết của Tòa án, ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án như: nếu Tòa án là cơ quan trực tiếp thi hành hình phạt tử hình, trực tiếp theo dõi người bị phạt tù được hưởng án treo thì Tòa án sẽ khó vô tư, khách quan khi quyết định hình phạt đó đối với bị cáo; bởi vì sau phán quyết sẽ là nhiệm vụ thi hành án mà Tòa án phải thực hiện.

Như đã nêu trên thi hành án hình sự tuy có mối quan hệ chặt chẽ với các giai đoạn tố tụng hình sự trước đó nhưng về bản chất vẫn là hoạt động có tính đặc thù là thực hiện bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật trên thực tiễn. Do đó, có thể kết luận rằng “thi hành án hình sự là hoạt động có tính hành chính-tư pháp”[43, tr.13], bởi lẽ các mối quan hệ phát sinh trong quá trình thi hành án hình sự mang tính chất mệnh lệnh hành chính, tính chấp hành rõ nét hơn là tính tố tụng.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Tòa án thực hiện các nhiệm vụ ra các quyết định thi hành án, còn việc thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án do các cơ quan, tổ chức khác (Cơ quan Công an, chính quyền các cấp...) thực hiện. Tuy nhiên, kết quả thi hành án trên thực tế thế nào thì Tòa án nhân dân, nhất là Tòa án đã ra bản án, quyết định được thi hành lại không hề được biết. Vì vậy, Tòa án nhân dân không hề chịu trách nhiệm gì về phán quyết và cũng khó có thể đánh giá được hiệu quả phán quyết của mình để rút kinh nghiệm cho công tác xét xử của mình góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp hình sự. Như vậy, có thể nói, mối quan hệ giữa Tòa án (cơ quan ra phán quyết và ra quyết

định thi hành) với cơ quan thi hành án hình sự khá lỏng lẻo, thiếu sự phối hợp, giám sát cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xét xử cũng như thi hành án.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì Tòa án phải chịu rất nhiều trách nhiệm trong công tác thi hành án hình sự. Tuy nhiên, biên chế, cơ cấu tổ chức bộ máy thực hiện công tác này của Tòa án nhân dân chưa đảm bảo, chưa có quy định phòng, ban chuyên trách và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể mà chỉ mới dừng lại ở quy định về thẩm quyền của Chánh án và một số thủ tục chung.

“Khi Tòa án xét giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt, một thành viên của Tòa án trình bày vấn đề cần được xem xét, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Tòa án ra quyết định chấp nhận hoặc bác đề nghị giảm thời hạn, miễn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách”[25] thì Luật không quy định việc thảo luận hay hội ý và biểu quyết như thế nào. Thực tế do Thư ký trình bày nội dung, Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và Hội đồng quyết định. Từ đó, việc xét giảm chưa được chú trọng và chưa mang tính khách quan làm cho vai trò của Hội đồng xét giảm bị hạn chế, chưa được đánh giá tầm quan trọng của việc xét giảm.

3.2.2. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế

Xuất phát từ những quan điểm không giống nhau về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự. Có quan điểm cho rằng thi hành án hình sự không phải là công việc chủ yếu của Tòa án mà đó chỉ là những công việc có liên quan đến Tòa án; có quan điểm cho rằng thi hành án hình sự là công việc chung của nhiều cơ quan; có quan điểm lại cho rằng thi hành án hình sự là một trong những công việc chủ yếu của Tòa án vì đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự.

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay liên quan đến thi hành án hình sự không quy định cơ quan nào có thẩm quyền cao nhất trong thi hành án. Do đó mỗi quan điểm trên đều có thể lập luận riêng để bảo vệ quan điểm của mình. Thực tiễn thì một bản án, quyết định hình sự có thể có nhiều bị cáo, có nhiều loại hình phạt được áp dụng, nhiều hình phạt bổ sung khác nhau nên do nhiều cơ quan thi hành. Pháp luật hiện nay vẫn xem thi hành án là một giai đoạn của tố tụng hình sự nên

quy định về thẩm quyền về thi hành án hình sự của Tòa án trong Bộ luật tố tụng hình sự. Trong khi đó, mối quan hệ giữa Tòa án và các cơ quan thi hành án lại chưa được quy định rõ ràng để Tòa án có thể giám sát hiệu quả hoạt động thi hành án, tức thi hành phán quyết mà Tòa án ban hành. Như đã nêu trên do thiếu thống nhất về cơ sở lý luận dẫn đến thiếu thống nhất trong lập pháp đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động thi hành án hình sự và ảnh hưởng đến các hoạt động tư pháp khác, nhất là hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.

Như đã nêu ở phần bất cập, hạn chế, việc đảm bảo điều kiện về bộ máy làm công tác thi hành án hình sự tại Tòa án nhân dân chưa tương xứng với số lượng, tính chất công việc; không được tổ chức thành phòng, ban riêng biệt, chuyên trách mà chỉ phân công vài Thư ký, Thẩm tra viên, chuyên viên...trong mỗi Tòa án kiêm nhiệm và thường không ổn định nên chưa có chuyên môn sâu, không được bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng về công tác thi hành án hình sự nên đã tạo ra áp lực, sai sót. So sánh giữa Thẩm phán giải quyết án hình sự sơ thẩm tại Tòa án mỗi cấp với số lượng công chức làm công tác thi hành án hình sự thì có sự khác biệt rất đáng kể. Do đó, số lượng cán bộ, công chức làm công tác thi hành án hình sự không tương xứng với khối lượng công việc được giao. Pháp luật hiện hành quy định chưa chặt chẽ thủ tục ban hành quyết định thi hành án hình sự mà mới chỉ quy định mang tính chất chung chung “Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án”[25]. Thẩm quyền ban hành quyết định thi hành bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật thuộc về Chánh án Tòa án nhưng với điều kiện nêu trên thì không thể trách khỏi những sai sót và cần có cơ chế khắc phục những sai sót đó. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật không quy định một cách chặt chẽ thủ tục xét lại quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án mà tại mỗi cấp Tòa án tự đề ra cách khắc phục khi phát hiện sai sót hoặc có kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân. Pháp luật quy định Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét xử, ban hành

quyết định thi hành án hình sự nhưng không quy định Tòa án có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án như thế nào trong thực tiễn.

3.3. Một số kiến nghị bảo đảm thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

3.3.1. Quan điểm về vai trò của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm lý luận về hoạt động thi hành án, các quy định của pháp luật, trên cơ sở đánh giá thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự thấy rằng thi hành án hình sự là biện pháp mang tính quyền lực nhà nước nhằm thực hiện bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trên thực tiễn. Hoạt động tố tụng hình sự đã chấm dứt khi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên việc thi hành án không phải là một giai đoạn cuối cùng của hoạt động tố tụng mà chỉ là hoạt động chấp hành, được đảm bảo thực hiện bằng bộ máy cưỡng chế nhà nước như Cơ quan thi hành án hình sự của Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã... Về mặt lý luận kể từ khi bản án, quyết định hình sự có hiệu lực pháp luật thì Tòa án không còn có thẩm quyền về các hoạt động thi hành bản án, quyết định đó; chỉ trong trường hợp đặc biệt thì quá trình tố tụng có thể được hủy bỏ và phục hồi lại bằng quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án có thẩm quyền.

Điều 127 Hiến pháp hiện hành của nước ta đã quy định Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất nên các văn bản quy phạm pháp luật dưới Hiến pháp phải tuân thủ quy định này. Hơn nữa, theo Luật thi hành án dân sự thì Tòa án chỉ gửi bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để cơ quan này ra quyết định thi hành án nên pháp luật hiện hành quy định thẩm quyền, chức năng trực tiếp của Tòa án trong thi hành án hình sự là chưa phù hợp, không đồng bộ với các Luật khác. Tuy nhiên, một trong những nguyên tắc quan trọng của hoạt động tư pháp là ngoài một số thẩm quyền ngoại lệ nhằm thực hiện chính sách nhân đạo của nhà nước được giao cho Chủ tịch nước như: ân giảm hình phạt tử hình, đại xá, đặc xá thì không cá

nhân, tổ chức nào có thẩm quyền thay đổi phán quyết của Tòa án mà chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền thay đổi phán quyết của mình dựa trên những căn cứ theo quy định của pháp luật trong các trường hợp: miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt; rút ngắn thời gian thử thách án treo; miễn chấp hành hình phạt tiền theo đề nghị của cơ quan trực tiếp thi hành án, xóa án tích là hợp lý và Tòa án chỉ theo dõi, giám sát kết quả thi hành án nhằm xác định tính hiệu quả của hình phạt, biện pháp trách nhiệm hình sự đã áp dụng để trên cơ sở đó có sự rút kinh nghiệm để điều chỉnh hợp lý đường lối xét xử của mình.

3.3.2. Các giải pháp

3.3.2.1. Hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự

Trước đây, khi chưa có Luật thi hành án hình sự và cơ quan thi hành án hình sự thuộc Công an chưa được thành lập và tư duy xem thi hành án hình sự là một giai đoạn tố tụng và để đảm bảo căn cứ pháp lý của việc thi hành bản án, quyết định nên Bộ luật tố tụng hình sự quy định một Chương về thi thành án hình sự và giao cho Tòa án có thẩm quyền ra các quyết định thi hành án hình sự; Bộ luật hình sự năm 2015 mặc dù có nhiều cải tiến nhưng tại phần thứ năm vẫn còn quy định về thi hành án hình sự. Trên cơ sở đánh giá, xác định đúng vị trí, vai trò của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự như tác giả đã nêu trên thì cần hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự như sau:

- Thi hành án hình sự không phải là một giai đoạn tố tụng hình sự, không có việc thu thập, đánh giá chứng cứ, không có nhiệm vụ xác định tội phạm và người phạm tội, đơn giản giai đoạn này chỉ là thi hành phán quyết của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Các thủ tục thi hành án không phải thủ tục tố tụng mà mang tính hành chính- tư pháp, được điều chỉnh bởi luật thi hành án hình sự, luật thi hành án dân sự. Trong điều kiện hiện nay đã có Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành án dân sự để điều chỉnh tất cả các quan hệ phát sinh trong thi hành án và theo thủ tục hành chính- tư pháp, thì nên đưa Phần thi hành án ra khỏi Bộ luật Tố tụng hình sự và chuyển sang Luật thi hành án hình sự để bảo đảm tránh chồng chéo, trùng lặp không cần thiết.

- Chỉ quy định về bản án, quyết định được đưa ra thi hành. Bỏ các quy định giao cho Tòa án ra quyết định thi hành án hình sự. Chỉ giữ lại các quy định về thẩm quyền xét, quyết định của Tòa án như: thi hành hình phạt cảnh cáo, miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt; rút ngắn thời gian thử thách án treo; miễn chấp hành hình phạt tiền, xóa án tích nhưng cần nâng cao vai trò chủ động của cơ quan thi hành án.

3.3.2.2. Hoàn thiện Luật thi hành án hình sự

- Quy định toàn bộ hoạt động thi hành án hình sự cho cơ quan chuyên trách là Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an quản lý, tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ theo thẩm quyền hành chính, dưới Tổng cục có các Cục thi hành án hình sự làm nhiệm vụ từ giai đoạn ra quyết định thi hành án, ủy thác đến quản lý và chế độ giam giữ... để từ đó có sự quản lý, theo dõi và trình tự thủ tục được chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, để đảm bảo sự giám sát thì cần có sự quy định vai trò giám sát của Viện kiểm sát trong công tác thi hành án hình sự để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

- Bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong thi hành án hình sự mà Bộ luật tố tụng hình sự chuyển sang như đã nêu trên.

- Bổ sung các quy định nâng cao vai trò của Tòa án nhân dân trong việc theo dõi, giám sát kết quả chấp hành hình phạt của người bị kết án.

- Bổ sung quy định trách nhiệm của các cơ quan thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án; kết quả chấp hành hình phạt của người bị kết án.

3.3.2.3. Các giải pháp khác

Tòa án nhân dân tối cao cũng như cơ quan ban hành pháp luật cần có sự rà soát, nghiên cứu các văn bản, hướng dẫn dưới luật có liên quan đến thi hành án hình sự để kịp thời sửa đổi, bổ sung và đưa các quy định cụ thể này vào Luật thi hành án hình sự, tránh trường hợp văn bản dưới luật quy định, hướng dẫn về thi hành án hình sự do nhiều cơ quan ban hành nên không đồng bộ về nội dung, khó áp dụng trong thực tiễn.

Để Tòa án nhân dân có thể thực hiện hiệu quả thẩm quyền của mình trong thi hành án hình sự thì tại mỗi Tòa án cần tăng cường biên chế Chuyên viên, thậm chí là Thẩm phán chuyên trách để tham mưu, giúp Chánh án theo dõi, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án liên quan đến công tác thi hành án hình sự. Bên cạnh đó, tại các cơ quan thi hành án hình sự cần có quy định về điều kiện, trình độ, năng lực của cán bộ làm công tác thi hành án hình sự. Điều này cũng nhằm đảm bảo sự đồng bộ, tương quan về mặt tổ chức giữa cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan thi hành án dân sự.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp là những vấn đề rất phức tạp xét trên các phương diện lý luận, khoa học, luật học và thực tiễn. Với khả năng có hạn, học viên đã nghiên cứu Đề tài và đạt được một số kết quả nhất định.

1. Trong khoa học pháp lý hiện nay, còn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm, bản chất của thi hành án hình sự. Có ý kiến cho rằng, thi hành án là một giai đoạn của quá trình tố tụng, diễn ra ngay sau quá trình xét xử, được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Thi hành án là hoạt động bảo vệ pháp luật, phù hợp với hoạt động của tố tụng tư pháp. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, thi hành án là một hoạt động hành chính - tư pháp, có những nét đặc thù riêng khác với hoạt động tố tụng tư pháp. Việc xác định thi hành án là giai đoạn tố tụng hay là hoạt động hành chính-tư pháp có ý nghĩa làm sáng tỏ bản chất thi hành án. Tuy nhiên, từ nhận thức bản chất của quy trình, hoạt động thi hành án, các quan điểm đều thừa nhận rằng, thi hành án tuy có quan hệ chặt chẽ với các giai đoạn tố tụng diễn ra trước đó nhưng vẫn là một hoạt động đặc thù có tính riêng biệt. Hoạt động thi hành án hình sự là giai đoạn tiếp ngay sau hoạt động xét xử của Tòa án, nhằm bảo đảm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực phải được thi hành nghiêm chỉnh, tính chấp hành có ý nghĩa chủ đạo và thủ tục thi hành mà không có tính tố tụng. Thi hành án là một hoạt động mang tính hành chính-tư pháp tuân theo những nguyên tắc không giống các nguyên tắc chỉ đạo hoạt động tố tụng hình sự. Xác định đúng bản chất thi hành án có ý nghĩa quan trọng trên nhiều phương diện, đặc biệt là tạo ra cơ chế quản lý, mô hình tổ chức và thẩm quyền thi hành án phù hợp.

2. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự được quy định trong Luật tố tụng hình sự và Luật thi hành án hình sự. Về cơ bản, Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành về thi hành án hình sự đã quy định một cách khái quát công tác thi hành án hình sự, quy định thẩm quyền của các cơ quan trong thi hành án, sự phối hợp trong thi hành án. Luật thi hành án được ban hành thể hiện sự quan tâm của Nhà nước về công tác thi hành án và sự hoàn thiện của pháp luật ngày tốt hơn.

Đó là điểm tiến bộ trong sự quản lý của Nhà nước về công tác thi hành án trong những năm qua.

Bên cạnh sự tiến bộ của quy định pháp luật về thẩm quyền của Tòa án trong thi hành án hình sự, thì qua thực tiễn vẫn còn những bất cập và thiếu sót, chưa phù hợp như đã trình bày trong luận văn này. Do vậy nhà làm luật cần có sự quan tâm để hoàn thiện hơn về công tác thi hành án hình sự, cần xác định đúng bản chất thi hành án hình sự và vị trí, vai trò, chức năng Hiến định của Tòa án để từ đó có quy định chặt chẽ, khoa học, phân biệt rõ hơn về thẩm quyền trong tổ tụng hình sự và thẩm quyền thi hành, quản lý trong thi hành án hình sự.

3. Luận văn đã khái quát tiến trình cải cách tư pháp nhất là về thi hành án hình sự ở nước ta; phân tích những nội dung cơ bản về thẩm quyền và hoạt động của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự, xem xét những điểm mới về thi hành án qua những lần sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thi hành án hình sự. Bên cạnh đó luận văn cũng đã nêu ra những tồn tại, hạn chế của pháp luật cũng như thực tiễn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự.

4. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, đánh giá thực tiễn, Luận văn đưa ra những kiến nghị về mặt nhận thức lý luận về vai trò của Tòa án nhân dân trong thi hành án hình sự, về hoàn thiện pháp luật và về tổ chức nhằm bảo đảm hiệu quả công tác thi hành án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2014), *Kế hoạch số 79/KH-BCSD ngày 08/4/2014 về tiếp tục thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các kế hoạch, chương trình làm việc của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương của các Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2005), Công văn số 1328/BCA (V26) ngày 30/6/2005 “*Về việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho phạm nhân*”, Hà Nội.
6. Bộ Công an-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Quốc phòng-Bộ Y tế (2006), *Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/8/2006 hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người đang chấp hành hình phạt bị bệnh nặng*, Hà Nội.
7. Bộ Công an-Bộ Quốc phòng-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/5/2013 hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với phạm nhân*, Hà Nội.

8. Bộ Công an-Bộ Quốc phòng-Bộ Y tế-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC* ngày 18/5/2012 hướng dẫn rút ngắn thời gian thử thách của án treo, Hà Nội.
9. Bộ Công an-Bộ Quốc phòng-Bộ Y tế-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC* ngày 06/6/2013 hướng dẫn tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc, Hà Nội.
10. Bộ Công an-Bộ Quốc phòng-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC* ngày 15/5/2013 hướng dẫn thi hành một số quy định về tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân, Hà Nội.
11. Bộ Công an-Bộ Quốc phòng-Bộ Y tế-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC* ngày 22/02/2013 hướng dẫn về việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành hình phạt tù, Hà Nội.
12. Bộ Nội vụ-Bộ Quốc phòng-Bộ Y tế-Bộ Tài chính-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1997), *Thông tư liên tịch số 03/TTLT* ngày 24/9/1997 hướng dẫn biện pháp bắt buộc chữa bệnh, Hà Nội.
13. Bùi Kiên Điện (2007), “Điều kiện đảm bảo hiệu quả thi hành án hình sự”, Tạp chí Luật học, số 6/2007, Hà Nội.
14. Chính phủ (2000), *Nghị định số 60/2000/NĐ-CP* ngày 30/10/2000 quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, Hà Nội.
15. Chính phủ (2000), *Nghị định số 61/2000/NĐ-CP* ngày 30/10/2000 quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, Hà Nội.

16. Chính phủ (2008), *Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 ban hành quy chế Trại giam*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2013), *Nghị định số 47/2013/NĐ-CP ngày 13/5/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2011/NĐCP ngày 16/9/2011 quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc*, Hà Nội.
18. Vũ Trọng Hách (2006), *Hoàn thiện quản lý nhà nước trong thi hành án hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
19. Hoàng Ngọc Nhất, (2001), *Một số vấn đề cấp bách về thi hành án hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 01/2001, Hà Nội.
20. Quốc hội (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
21. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2001), *Hiến pháp 1992 và sửa đổi bổ sung năm 2001*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội,
25. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2010), *Luật Thi hành án hình sự năm 2010*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2013)*, Hà Nội.
30. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
31. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2015), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.

33. Tòa án nhân dân tối cao-Bộ Nội vụ-Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1993), *Thông tư liên ngành số 03/TTLN ngày 30/6/1993 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Pháp lệnh thi hành án phạt tù*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2011*, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 hướng dẫn thi hành bản án và quyết định của Tòa án*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 hướng dẫn bổ sung Nghị quyết 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007*, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo tổng kết công tác của Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Long An các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
40. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh thi hành án phạt tù*, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ Luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006.

42. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Võ Khánh Vinh, Cao Thị Oanh (2013), *Luật thi hành án hình sự* (Giáo trình sau đại học), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Trần Thị Quang Vinh (2008), *Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.